

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /2026/QH16

Hà Nội, ngày

tháng

năm 2026

DỰ THẢO

Ngày 10/7/2026

**LUẬT
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;
Quốc hội ban hành Luật Phát triển đô thị.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị và khu kinh tế đặc biệt.

2. Cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt tại Luật này được áp dụng đối với:

a) Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố khác được công nhận là đô thị đặc biệt theo quy định của pháp luật. Thành phố Hà Nội áp dụng quy định tại Luật Thủ đô; việc áp dụng quy định tại Luật này cho thành phố Hà Nội do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định, trừ quy định về khu kinh tế đặc biệt.

b) Thành phố Đồng Nai, thành phố khác chưa được công nhận là đô thị đặc biệt được áp dụng một số cơ chế, chính sách quy định tại Luật này theo quy định của Chính phủ trong trường hợp có chủ trương của cấp có thẩm quyền, phù hợp với điều kiện đặc thù, yêu cầu phát triển và năng lực thực thi của từng thành phố, trừ quy định tại khoản 2 Điều 7, Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều 15 của Luật này.

3. Khu kinh tế đặc biệt được áp dụng một số cơ chế, chính sách thúc đẩy đô thị đặc biệt tại Chương II theo quy định của Chính phủ, trừ quy định tại khoản 2 Điều 7, Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều 15 của Luật này và các cơ chế, chính sách phát triển khu kinh tế đặc biệt theo quy định tại Chương III của Luật này.

4. Trong trường hợp cần áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù chưa được quy định tại Luật này cho thành phố quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc cho khu kinh tế đặc biệt mà thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi ban hành và báo cáo

Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đô thị đặc biệt* là đô thị tầm quốc tế, có năng lực cạnh tranh toàn cầu theo mô hình đa cực, đa trung tâm, có kết cấu hạ tầng và quản trị thông minh, hiện đại; trung tâm điều phối mô hình quản trị, hạt nhân của vùng Đô thị đặc biệt; cực đổi mới sáng tạo và hội nhập quan trọng của cả nước. Đô thị đặc biệt có vai trò dẫn đầu về kiến tạo thể chế, chất lượng phát triển, chuẩn mực quản trị và mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.

2. *Khu kinh tế đặc biệt* là đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có vị trí chiến lược được tổ chức theo mô hình đặc thù và áp dụng các cơ chế, chính sách vượt trội để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng và cả nước được Chính phủ quyết định thành lập sau khi có ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. *Dự án lớn, quan trọng* là một trong các dự án sau đây:

a) Dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) sử dụng vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư cần triển khai ngay theo chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy Chính phủ, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố;

b) Dự án đầu tư công, dự án PPP sử dụng vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương trên địa bàn Thành phố, vùng Đô thị đặc biệt đáp ứng tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

c) Dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược.

4. *Không gian tầm thấp, không gian tầm cao* là phần không gian trên bề mặt đất, mặt nước thuộc địa giới hành chính Thành phố có phạm vi, ranh giới, độ cao được xác định theo quy hoạch của Thành phố, được sử dụng cho mục đích quản lý, khai thác, sử dụng trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, giao thông và quản lý đô thị gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

5. *Khu thương mại tự do* là khu vực có ranh giới địa lý xác định gắn liền hoặc kết nối giao thông trực tiếp với hệ thống cảng biển quốc tế, cảng hàng không quốc tế, trung tâm tài chính quốc tế, cửa khẩu quốc tế quan trọng được xác lập trong quy hoạch tổng thể Thành phố; bảo đảm liên thông vùng - quốc gia - quốc tế, gồm nhiều

khu chức năng, được thành lập để thực hiện các cơ chế, chính sách vượt trội về thu hút đầu tư, tài chính; thương mại, dịch vụ chất lượng cao; thúc đẩy xuất khẩu; công nghiệp; hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D); thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; chức năng khác có liên quan đến thương mại.

6. *Khu logistics tích hợp* là khu chức năng có ranh giới địa lý xác định, gắn liền với các đầu mối giao thông đa phương thức; được thành lập theo mô hình hệ sinh thái, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại để thực hiện các dịch vụ logistics kết hợp với hoạt động sản xuất, gia công hàng hóa và hoạt động thương mại số, thương mại điện tử. Khu logistics tích hợp là một khu độc lập hoặc thuộc Khu thương mại tự do.

7. *Kinh tế biển* là toàn bộ các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển hoặc có liên quan trực tiếp đến biển, bao gồm kinh tế hàng hải; logistics; công nghiệp hỗ trợ hoạt động dầu khí, dịch vụ dầu khí; khai thác tài nguyên khoáng sản biển trừ dầu khí; năng lượng, năng lượng tái tạo; du lịch và dịch vụ biển; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển và ngành kinh tế biển khác.

8. *Vùng Đô thị đặc biệt* là khu vực liên kết phát triển kinh tế - xã hội gồm thành phố là đô thị đặc biệt (sau đây gọi là Thành phố) và các đơn vị hành chính cấp tỉnh có địa giới hành chính liền kề với Thành phố.

9. *Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (sau đây gọi là TOD)* là giải pháp quy hoạch, đầu tư cải tạo, chỉnh trang và phát triển đô thị, lấy điểm kết nối giao thông đường sắt làm điểm tập trung dân cư, kinh doanh dịch vụ thương mại, văn phòng và chức năng khác.

10. *Khu vực TOD* là khu vực bao gồm nhà ga, đề-pô đường sắt và vùng phụ cận được xác định theo quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định để xây dựng đường sắt, kết hợp cải tạo, chỉnh trang đô thị, đầu tư phát triển đô thị.

11. Ký hiệu thị thực, ký hiệu thẻ tạm trú cấp cho người nước ngoài:

a) UĐ1 - Cấp cho người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc tại doanh nghiệp có trụ sở chính tại khu kinh tế đặc biệt;

b) UĐ2 - Cấp cho vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi của người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc tại doanh nghiệp có trụ sở chính tại khu kinh tế đặc biệt, Khu thương mại tự do;

c) DL - Cấp cho người nước ngoài nhập cảnh với mục đích du lịch.

d) HN - Cấp cho người nước ngoài nhập cảnh dự hội nghị, hội thảo.

đ) SQ - Cấp cho người nước ngoài nhập cảnh với mục đích khảo sát thị trường,

thăm người thân, chữa bệnh.

Điều 3. Nguyên tắc phân quyền và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền

1. Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, không trái các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Phân quyền triệt để, toàn diện và phân định rõ thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; căn cứ tình hình thực tiễn, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp. Việc phân quyền, phân cấp bảo đảm không phương hại đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, dân tộc, tôn giáo và lĩnh vực khác liên quan trực tiếp đến chủ quyền quốc gia.

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật này, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của Thành phố còn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân, công bằng xã hội, phát triển bền vững và giữ gìn bản sắc, giá trị văn hóa của Thành phố, vùng đô thị đặc biệt, khu kinh tế đặc biệt; không làm ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn tài chính quốc gia, tôn trọng các quy luật thị trường.

4. Phân quyền triệt để, toàn diện và phân định rõ thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt. Việc phân quyền bảo đảm không phương hại đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, dân tộc, tôn giáo và lĩnh vực khác liên quan trực tiếp đến chủ quyền quốc gia.

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật này, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt được thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Bảo đảm việc vận hành nền hành chính quốc gia thống nhất, thông suốt, hiệu quả; bảo đảm thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu gắn liền với cơ chế kiểm soát quyền lực; tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền; có cơ chế theo dõi, đánh giá, kiểm tra gắn với cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; kịp thời điều chỉnh nội dung phân quyền khi cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân quyền thực hiện không hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

6. Trường hợp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt được phân quyền và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền thì được thực hiện quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều này và chỉ áp dụng đối với khu kinh tế đặc biệt.

Điều 4. Áp dụng pháp luật

1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Phát triển đô thị và luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật Phát triển đô thị, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phát triển đô thị, văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để thực hiện thẩm quyền được giao trong Luật Phát triển đô thị (sau đây gọi là văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị) được áp dụng trong trường hợp có nhiều văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương, bao gồm cả văn bản quy định cơ chế, chính sách áp dụng cho các đối tượng, địa phương khác, ban hành sau ngày Luật Phát triển đô thị, văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn quy định của Luật Phát triển đô thị, văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân Thành phố được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Luật này quyết định; trường hợp khác do Chính phủ quy định.

Chương II

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐẶC BIỆT

Mục 1

TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN, CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 5. Đơn vị hành chính thuộc Thành phố

1. Đơn vị hành chính thuộc Thành phố bao gồm xã, phường, đặc khu (nếu có); đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có).

2. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thuộc Thành phố do Quốc hội quyết định thành lập để thực hiện vai trò đô thị chức năng theo Quy hoạch tổng thể Thành phố; được tổ chức theo mô hình đặc thù, được áp dụng các cơ chế, chính sách vượt trội, thực hiện các chính sách mới về quản trị địa phương, thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của Thành phố.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn về tổ chức bộ máy chính quyền đô thị đặc biệt và chế độ công vụ

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định số lượng, tiêu chí xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách của Hội đồng nhân dân Thành phố và Hội đồng nhân dân cấp xã; khung, số lượng Phó Trưởng Ban các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; số lượng, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố và Hội đồng nhân dân cấp xã;

b) Quyết định số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố; quy định số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Quy định khung số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, quy mô dân số, yêu cầu cung ứng dịch vụ công và điều kiện thực tiễn của Thành phố;

d) Quy định số lượng, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; quyết định đặt tên, thay đổi tên gọi, điều chỉnh chức năng của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

đ) Quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư; số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư;

e) Quyết định tổng số lượng biên chế không vượt quá 20% số biên chế công chức, viên chức Trung ương giao (giai đoạn và hằng năm) và tự cân đối, chi trả lương từ nguồn ngân sách Thành phố;

g) Quy định về vị trí việc làm công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

h) Quy định việc thuê, tuyển dụng và bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

i) Quy định chính sách thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc, người lao động tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, một số hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và người làm việc tại một số cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố; việc sử dụng ngân sách Thành phố và nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện chính sách này;

k) Quy định việc ký kết hợp đồng thực hiện chuyên môn trong khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền quy định:

a) Chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số;

b) Cơ chế, biện pháp phát huy dân chủ cơ sở, huy động sự tham gia của người

dân trong quản trị địa phương; cơ chế khoán việc và cơ chế khác để phát huy vai trò tự quản của tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư;

c) Việc thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi, giải thể; cơ cấu tổ chức, chế độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, quy mô dân số, yêu cầu cung ứng dịch vụ công và điều kiện thực tiễn của Thành phố;

d) Khung số lượng cấp phó của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

đ) Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

e) Tiêu chí phân loại đơn vị hành chính phường, đặc khu loại đặc biệt thuộc Thành phố;

g) Việc giao thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, trừ nội dung Ủy ban nhân dân Thành phố thảo luận tập thể và quyết định theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận phân loại đơn vị hành chính phường, đặc khu loại đặc biệt thuộc Thành phố.

Điều 7. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật này được quy định khác với văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ban hành văn bản quy phạm pháp luật để:

a) Điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thuộc Thành phố, bảo đảm yêu cầu về cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, không quy định thêm thành phần hồ sơ, không tăng thêm yêu cầu, điều kiện, thời gian giải quyết thủ tục đang áp dụng;

b) Quy định biện pháp đặc thù phù hợp với yêu cầu phát triển Thành phố để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội mà khác hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

3. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đánh giá sự cần thiết, tính cân đối, hợp lý của việc cần phải ban hành văn bản để quy định khác với văn bản của cơ quan nhà nước ở trung ương hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ; xác định rõ mục tiêu và dự kiến kết quả cần đạt được khi ban hành văn bản, cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình;

b) Đánh giá sự phù hợp của văn bản với quy định tại Điều 3 của Luật này;

c) Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản;

d) Thực hiện tham vấn dự thảo văn bản với cơ quan có thẩm quyền ở trung ương, cơ quan, tổ chức có liên quan, lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, truyền thông nội dung, đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham vấn, góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo văn bản;

đ) Tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Không áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, trừ trường hợp tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần hoặc bãi bỏ văn bản.

4. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc xác định thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này và quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để quyết định lựa chọn áp dụng pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 4 của Luật này. Nội dung nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật phải xác định rõ quy định của văn bản quy phạm pháp luật được lựa chọn áp dụng, phạm vi, đối tượng được áp dụng, thời điểm áp dụng, quy định chuyển tiếp (nếu có).

Điều 8. Thí điểm cơ chế, chính sách

1. Thành phố được quyết định thí điểm cơ chế, chính sách mới, khác với luật, nghị quyết của Quốc hội hoặc đối với những vấn đề chưa được pháp luật quy định để áp dụng trong phạm vi địa giới hành chính của Thành phố.

Không thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, tôn giáo và lĩnh vực khác liên quan trực tiếp đến chủ quyền quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Việc thí điểm cơ chế, chính sách phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với Hiến pháp, không trái điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Không hạn chế quyền con người, quyền cơ bản của công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh; bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Không phương hại đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

d) Không gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của cộng đồng, đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục; không làm ảnh hưởng đến chính sách đại đoàn kết dân tộc và chính sách tôn giáo của Nhà nước;

đ) Thời gian thí điểm không quá 05 năm và có thể được gia hạn không quá 05 năm.

3. Phạm vi thí điểm cơ chế, chính sách bao gồm:

a) Mô hình mới về tổ chức bộ máy các cấp chính quyền của Thành phố, mô hình quản trị, kiến tạo tiên tiến, hiện đại; chế độ công vụ, công chức;

b) Mô hình kinh tế mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, du lịch, y tế và chăm sóc sức khỏe;

c) Mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp giảm phát thải khí nhà kính;

d) Mô hình quản lý đô thị, nông thôn, không gian và phát triển bền vững;

đ) Phương thức khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực để phát triển và quản trị Thành phố;

e) Giải pháp xử lý các vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng, trực tiếp đến chất lượng sống của người dân hoặc sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố;

g) Cơ chế, chính sách khác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

4. Trên cơ sở chấp thuận của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách, trong đó xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian, không gian, địa bàn thí điểm; dự kiến kết quả, tác động của thí điểm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; biện pháp quản trị rủi ro; cơ chế kiểm soát, giám sát, đánh giá; điều kiện, trình tự điều chỉnh, gia hạn hoặc kết thúc việc thí điểm.

5. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách.

Trường hợp đề xuất thí điểm cơ chế, chính sách có tác động đến vùng đô thị đặc biệt, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm đánh giá tác động kinh tế - xã hội vùng, quốc gia, lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương có liên quan trước khi trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

b) Tổ chức thực hiện nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách; bảo đảm sự phối

hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan;

c) Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; tạm dừng thực hiện thí điểm và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định trong trường hợp việc thí điểm có ảnh hưởng tiêu cực vượt quá mức độ đã được dự báo;

d) Báo cáo đánh giá định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố và cơ quan có thẩm quyền về tình hình, kết quả thực hiện thí điểm;

đ) Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện thí điểm, xác định mức độ hoàn thành mục tiêu, hiệu quả, tác động đối với phát triển Thành phố và vùng đô thị đặc biệt; đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc điều chỉnh, gia hạn hoặc kết thúc việc thí điểm;

e) Trình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện chính thức.

6. Việc xây dựng, ban hành nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 7 của Luật này.

Điều 9. Xã hội hóa hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Cơ chế xã hội hóa có kiểm soát đối với hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, quy mô dân số, yêu cầu cung ứng dịch vụ công và điều kiện thực tiễn tại Thành phố;

b) Về phí, giá dịch vụ, chính sách ưu đãi đặc thù và nguồn lực khác bảo đảm thực hiện cơ chế xã hội hóa tại điểm a khoản này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện cơ chế xã hội hóa theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố; tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

3. Việc xã hội hóa hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước; không làm thay đổi thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính; không chuyển giao thẩm quyền quản lý nhà nước cho tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước; không tăng biên chế của bộ máy hành chính;

b) Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, có kiểm soát; an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh

nghiệp;

c) Tiết kiệm thời gian cho người dân, doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính.

Mục 2

QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN ĐÔ THỊ

Điều 10. Quy hoạch Thành phố

1. Quy hoạch tổng thể Thành phố:

a) Trên địa bàn Thành phố chỉ lập một Quy hoạch tổng thể Thành phố trên cơ sở cụ thể hóa quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng tại địa phương và tích hợp, lồng ghép, thay thế Quy hoạch Thành phố, Quy hoạch chung Thành phố. Quy hoạch tổng thể Thành phố có giá trị pháp lý như quy hoạch tỉnh và quy hoạch chung thành phố theo quy định pháp luật;

b) Quy hoạch tổng thể Thành phố chỉ được điều chỉnh trong trường hợp phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng đặc biệt quan trọng, yêu cầu về quốc phòng, an ninh; khi có biến động lớn về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội hoặc để thực hiện yêu cầu của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố.

Quy hoạch tổng thể Thành phố, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thành phố phải lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên kế, cộng đồng dân cư, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi phê duyệt;

b) Quy định loại quy hoạch, hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn, hoạt động kiến trúc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố sau khi được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

Điều 11. Quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao

1. Việc quản lý, phát triển, khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí tượng, địa chất, địa mạo, thủy văn; bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng và sau khi kết thúc sử dụng;

b) Phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thành phố;

c) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn cho tàu bay; ưu tiên các công trình có tính lưỡng dụng, có khả năng sẵn sàng chuyển sang phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh; bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan môi trường, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

d) Bảo đảm kết nối đồng bộ giữa các công trình;

đ) Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư các dự án khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao.

2. Không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao phải được quy hoạch, phân vùng chức năng để quản lý, đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao.

Việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch được thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và tham vấn ý kiến của cộng đồng dân cư, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Mức giới hạn độ sâu trong lòng đất mà người sử dụng đất được sử dụng phù hợp với quy hoạch và không phải trả tiền sử dụng không gian ngầm;

c) Việc sử dụng lòng đất ngoài giới hạn độ sâu quy định tại điểm b khoản này; việc nộp tiền, miễn, giảm tiền sử dụng không gian ngầm; nghĩa vụ tài chính đối với việc khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao;

d) Việc sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp khi chưa có quy hoạch không gian ngầm, không gian tầm thấp nhưng phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất;

đ) Chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng khi khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao vì lợi ích công cộng;

e) Chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, phát triển công trình ngầm, khai thác không gian tầm thấp, không gian tầm cao;

g) Các khoản thu từ việc khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định việc quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao; quản lý hạ tầng, công nghệ,

phương tiện hoạt động trong không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao.

Điều 12. Quản lý đô thị và nhà ở

1. Nguyên tắc đầu tư xây dựng, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển nhà ở trên địa bàn Thành phố:

- a) Xây dựng các khu đô thị, khu nhà ở theo hướng hiện đại, thuận tiện, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội;
- b) Phù hợp quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc, thiết kế đô thị; bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, phòng cháy, chữa cháy;
- c) Bảo vệ các di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên, kiến trúc, cảnh quan; bảo vệ, phát triển không gian xanh, không gian mặt nước;
- d) Bảo đảm hài hòa lợi ích người dân, Nhà nước, doanh nghiệp; ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ; nâng cao tiện ích đô thị, cải thiện môi trường sống, sinh kế cho dân cư ở khu vực cải tạo, chỉnh trang;
- đ) Ưu tiên, hỗ trợ tổ chức, cộng đồng dân cư tự đề xuất, tự thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

- a) Chính sách, biện pháp, tiêu chí, điều kiện thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị trên địa bàn Thành phố;
- b) Cơ chế, chính sách ưu đãi về đầu tư, xây dựng, quản lý, bảo trì, khai thác để hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà lưu trú công nhân, nhà ở cho thuê và các loại hình nhà ở khác;
- c) Chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho thuê.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

- a) Quy định trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, phát triển nhà ở, trừ nhà ở thương mại;
- b) Quy định khác với quy định của pháp luật về cải tạo, xây dựng nhà chung cư về hình thức tổ chức hội nghị nhà chung cư để lựa chọn chủ đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; quyết định hình thức thực hiện dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trong trường hợp hội nghị nhà chung cư không lựa chọn được chủ đầu tư; quyết định biện pháp cưỡng chế di dời phục vụ dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, chỉnh trang, tái thiết đô thị; quyết định việc xác định giá trị các phần diện tích thuộc tài sản công mà chủ đầu tư có trách nhiệm bồi thường cho nhà nước;
- c) Quyết định việc chuyển đổi giữa các loại hình nhà ở thương mại, nhà ở xã

hội, nhà ở phục vụ tái định cư để sử dụng linh hoạt, đáp ứng nhu cầu thực tế của người dân; việc chuyển đổi công năng sử dụng giữa các loại hình nhà thuộc tài sản công nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng;

d) Quyết định giao chỉ định chủ đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà lưu trú công nhân đối với các quỹ đất do Nhà nước quản lý hoặc các loại đất khác trong trường hợp các quỹ đất này phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc được cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch xác định phù hợp để xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà lưu trú công nhân, không xem xét việc đáp ứng các điều kiện theo pháp luật về đất đai; giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà không phải chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê trên cơ sở phù hợp với quy hoạch và đề án thực hiện dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê;

đ) Quy định việc hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở, nhà ở vì mục đích quốc phòng, an ninh, để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở thì được mua, thuê mua nhà ở xã hội không phải bốc thăm và không phải đáp ứng điều kiện về nhà ở, điều kiện về thu nhập theo quy định;

e) Quy định về việc người bị thu hồi nhà ở, đất ở được bố trí tái định cư bằng nhà ở xã hội được phép bán lại nhà ở đó theo cơ chế thị trường sau khi thanh toán đủ tiền mua nhà ở theo quy định;

g) Quyết định đối tượng được thuê nhà ở công vụ khác với quy định pháp luật về nhà ở.

4. Cơ chế, chính sách về phát triển TOD

a) Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a1) Quy định chính sách phát triển đô thị tại khu vực TOD;

a2) Quy định chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, các yêu cầu về tổ chức không gian tại khu vực TOD khác hoặc chưa có quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng trên cơ sở khai thác đồng bộ không gian ngầm, không gian tầm thấp, không làm quá tải hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo đảm kết nối hạ tầng của khu vực; ưu tiên mặt đất cho không gian công cộng, cây xanh và chất lượng sống đô thị;

a3) Quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt địa phương, quy hoạch khu vực TOD;

a4) Quy định việc chuyển nhượng chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch trong khu vực TOD;

a5) Quy định phương pháp xác định các khoản thu, mức thu, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện việc thu các khoản thu trong khu vực TOD đối với diện tích sàn

xây dựng tăng thêm của các dự án xây dựng công trình dân dụng do việc tăng chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch hoặc chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, khoản thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm từ đất, phí cải thiện hạ tầng, khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương, phí kết nối giao thông công cộng và các khoản thu khác để phát triển hệ thống đường sắt địa phương và việc kết nối đồng bộ hạ tầng giao thông trong khu vực TOD;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

b1) Quy định việc tổ chức quản lý, khai thác nhà ở, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong khu vực TOD;

b2) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt địa phương, quy hoạch khu vực TOD;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc đầu tư xây dựng nhà ở, công trình thương mại dịch vụ, công trình sự nghiệp, công trình công cộng; chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch tại khu vực TOD theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Việc đánh giá sự phù hợp của dự án trong chấp thuận hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật phải căn cứ vào quy hoạch cấp quốc gia hoặc quy hoạch vùng hoặc quy hoạch chi tiết ngành có liên quan thì được căn cứ vào quy hoạch tổng thể Thành phố.

Điều 13. Phát triển hạ tầng giao thông, vận tải, logistics và bảo vệ môi trường

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ:

a) Đầu tư, huy động các nguồn lực để xây dựng, phát triển, khai thác, bảo trì đồng bộ hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông bao gồm hạ tầng giao thông liên kết, phát triển vùng, logistics, công trình ngầm công cộng; áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông, vận tải, logistics;

b) Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng, bến xe, bãi đỗ xe đa chức năng;

c) Phát triển hạ tầng cảng biển, đường thủy nội địa, vận tải đường thủy;

d) Phát triển hạ tầng giao thông sử dụng năng lượng sạch, giao thông phi cơ giới; hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch; biện pháp hạn chế sử dụng phương tiện giao thông phát thải gây ô nhiễm môi trường;

đ) Giảm phát thải nhựa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; hoạt động xử lý, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tiêu

dùng liên quan đến tái chế rác thải sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất, quản lý chất thải rắn theo chuỗi phát sinh - thu gom - vận chuyển - xử lý;

e) Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong lĩnh vực giao thông vận tải, công nghiệp môi trường và dịch vụ môi trường;

g) Hạn chế phương tiện giao thông cá nhân vào khu vực trung tâm Thành phố để giảm ùn tắc giao thông, giảm phát thải; áp dụng phí giảm ùn tắc giao thông;

h) Lộ trình và việc chuyển đổi khu, cụm công nghiệp đang hoạt động thành khu, cụm công nghiệp sinh thái;

i) Di dời cơ sở sản xuất trong khu dân cư, cơ sở sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề ở nông thôn; cảng, bến, kho bãi và cơ sở sản xuất kinh doanh không còn phù hợp quy hoạch phát triển đô thị, môi trường và cảnh quan sông nước của Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân thành phố có thẩm quyền:

a) Phân loại, điều chỉnh phân loại đoạn tuyến đường quốc lộ, đoạn tuyến đường thủy nội địa đã được điều chuyển, giao cho Thành phố quản lý;

b) Quy định quản lý, khai thác, sử dụng công trình đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt địa phương, cảng, bến thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích khác ngoài mục đích giao thông, phù hợp với yêu cầu bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và mỹ quan đô thị;

c) Quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng hải (không bao gồm luồng hàng hải và các hoạt động hàng hải trong vùng nước cảng biển) trong phạm vi địa giới hành chính Thành phố;

d) Quyết định xây dựng công trình tạm, bến bãi, nhà để xe thông minh, nhà vệ sinh, trạm sạc điện, bến thủy nội địa tại khu đất công do Nhà nước quản lý, đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, đất công viên, hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch và khu vực khác phù hợp với yêu cầu tổ chức giao thông, trật tự đô thị, mỹ quan đô thị mà không dựa trên quy hoạch;

đ) Quy định lộ trình chuyển đổi, phát triển giao thông xanh, phạm vi vùng phát thải thấp để hạn chế các phương tiện giao thông nhằm cải thiện chất lượng không khí; các biện pháp được áp dụng trong vùng phát thải thấp theo lộ trình phù hợp;

e) Kiểm soát hoạt động của các phương tiện giao thông dựa trên mức độ gây ùn tắc giao thông, khả năng đáp ứng của hạ tầng giao thông hiện hữu, gắn với yêu cầu quản lý trật tự đô thị, chuyển đổi xanh và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

g) Ban hành giá vé các phương thức vận tải hành khách công cộng, giá vé dùng

chung liên thông đa phương thức;

h) Quy định điều kiện hoạt động, yêu cầu kỹ thuật, tổ chức quản lý và cơ chế giá đối với các phương thức giao thông, mô hình vận tải hành khách mới chưa có trong quy định pháp luật hiện hành;

i) Quy định tiêu chí khu, cụm công nghiệp sinh thái trên địa bàn Thành phố;

k) Quyết định giao cơ quan, đơn vị tổ chức thu và sử dụng biên lai thu tiền đối với giá dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Căn cứ theo tiêu chí, tiêu chuẩn, lộ trình chuyển đổi, điều kiện, định mức, đơn giá, giá đặt hàng được Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành, quyết định theo hình thức đặt hàng để xử lý khối lượng chất thải rắn sinh hoạt bổ sung cho nhà đầu tư đang thực hiện dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong trường hợp tự nguyện chuyển đổi công nghệ của dự án sang công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng;

b) Quyết định lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vận tải hành khách công cộng thông qua hình thức đặt hàng hoặc đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ; chủ động xác định thời gian thực hiện cung ứng dịch vụ để bảo đảm tính liên tục và phù hợp với điều kiện thực tế của Thành phố.

Điều 14. Đầu tư xây dựng công trình

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định việc thi tuyển hoặc không thi tuyển phương án kiến trúc đối với các công trình, hạng mục công trình thuộc đối tượng phải thi tuyển kiến trúc theo quy định của Luật Kiến trúc;

b) Quyết định việc thẩm định, kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố;

c) Quyết định việc không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư công không làm tăng tổng mức đầu tư hoặc đối với dự án PPP có giá trị vốn nhà nước không vượt quá 10% trong chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Quy định danh mục vật liệu xây dựng mới, vật liệu tái chế, vật liệu xanh, vật liệu nhẹ, vật liệu thông minh, vật liệu thân thiện môi trường, vật liệu phù hợp vùng ven biển, hải đảo được ưu tiên áp dụng; quy định tỷ lệ, lộ trình sử dụng phù hợp với tính chất công trình, điều kiện thực tiễn của Thành phố; quyết định hoặc ủy quyền quyết định việc ưu tiên giải pháp thiết kế hạn chế sử dụng vật liệu truyền thống, giảm phát thải, tiết kiệm tài nguyên.

2. Đối với dự án quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công, dự án PPP mà không phải thực hiện thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và các thủ tục khác có liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư;

b) Quyết định việc chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư được tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt; phân chia dự án thành phần, tiểu dự án không phụ thuộc vào yêu cầu vận hành độc lập của dự án đầu tư công, dự án PPP; việc triển khai đồng thời các bước chuẩn bị, khảo sát, thiết kế và thực hiện dự án;

c) Quyết định việc miễn thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng tại Việt Nam đối với nhà thầu nước ngoài.

3. Đối với dự án quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật này có tổng mức đầu tư trên 20.000 tỷ đồng (hai mươi nghìn tỷ đồng), Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm kiểm toán hồ sơ tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình đã hoàn thiện theo báo cáo thẩm định và báo cáo quyết toán dự án thành phần, dự án tổng thể.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định công trình được miễn Giấy phép xây dựng.

Điều 15. Bảo đảm trật tự, an toàn Thành phố

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khác với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng mức tiền phạt vi phạm hành chính tương ứng quy định tại điểm b khoản này;

b) Mức tiền phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung và thẩm quyền phạt tiền tương ứng do Chính phủ quy định đối với hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường; văn hóa; quảng cáo; đất đai; xây dựng, nhà ở; giao thông; an toàn thực phẩm; phòng, chống dịch bệnh động vật; chăn nuôi, thú y trên địa bàn Thành phố.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh để bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố trong trường hợp sau đây:

a) Công trình xây dựng sai quy hoạch, công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng đối với trường hợp theo quy định phải có giấy phép hoặc xây dựng sai với nội dung trong giấy phép xây dựng; công trình xây dựng sai với thiết kế xây dựng được phê duyệt đối với trường hợp được miễn giấy phép xây dựng;

b) Công trình xây dựng trên đất bị lấn, chiếm theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Công trình xây dựng thuộc diện phải thẩm duyệt hoặc thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy nhưng được tổ chức thi công khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt hoặc văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành;

d) Công trình thi công không đúng theo thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đã được thẩm duyệt hoặc thẩm định;

đ) Cơ sở kinh doanh dịch vụ vũ trường, kinh doanh dịch vụ ka-ra-ô-kê (karaoke) không bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy;

e) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình xây dựng vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường mà không thực hiện yêu cầu về việc dừng hành vi vi phạm, quyết định của cơ quan có thẩm quyền về đình chỉ hoạt động hoặc biện pháp khắc phục hậu quả;

g) Công trình thuộc trường hợp phải phá dỡ và đã có quyết định di dời khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định biện pháp đặc thù khác về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, biện pháp hành chính cấp bách phù hợp với yêu cầu bảo vệ Thành phố, bảo đảm hiệu lực quản lý đô thị, hài hòa giữa yêu cầu giữ vững an ninh, trật tự xã hội với bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Người cung cấp dịch vụ điện, nước có trách nhiệm ngừng cung cấp dịch vụ ngay khi có yêu cầu của người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này bảo đảm đúng phạm vi, đối tượng, thời hạn. Quyền ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước của người cung cấp dịch vụ điện, nước trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải được thông báo cho người sử dụng dịch vụ và thể hiện trong hợp đồng sử dụng dịch vụ điện, nước.

Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để thực hiện quy định tại khoản này không phải thực hiện đăng ký lại theo quy định của pháp luật về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

Mục 3

PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Điều 16. Phát triển doanh nghiệp nhà nước và quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân Thành phố là đại diện chủ sở hữu có quyền, trách nhiệm:

a) Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định mà không phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Chủ động thực hiện biện pháp, giải pháp, mô hình quản trị, đầu tư và kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm biện pháp, giải pháp, mô hình chưa được quy định hoặc khác với quy định của pháp luật hiện hành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Quyết định tiền lương, thù lao và tiền thưởng cho người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố tại điểm c khoản 2 Điều này.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định việc giao thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu phù hợp với thực tiễn của Thành phố, bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước;

b) Quy định cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với một số doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu, bao gồm doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, chức năng quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Quyết định danh mục doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Quyết định danh mục doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ cổ phần, vốn góp và thực hiện đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quy định cơ chế chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Trong phạm vi doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu, Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền quyết định:

a) Bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Tỷ lệ trích lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bổ sung vốn điều

lệ cho doanh nghiệp;

c) Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

4. Thành lập, tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp đường sắt địa phương

a) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập doanh nghiệp đường sắt địa phương do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sau khi được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương;

b) Doanh nghiệp đường sắt địa phương do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được khai thác thương mại đối với các tài sản, không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao gắn liền với kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương tại các nhà ga, đề-pô và thực hiện các hoạt động khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố và quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 17. Phát triển kinh tế biển

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định Danh mục ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển; điều kiện, tiêu chí xác định dự án được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ tại điểm o khoản 1 Điều 37 của Luật này;

b) Quy định tổ chức, hoạt động của khu cảng mở; là khu vực trong khu vực cảng biển có ranh giới địa lý xác định theo quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển, được áp dụng chế độ, thủ tục hải quan và quản lý chuyên ngành đặc thù theo quy định của Chính phủ để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và các hoạt động ngoại thương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với các dự án thuộc lĩnh vực kinh tế biển theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố và pháp luật có liên quan;

b) Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp khai thác cảng, doanh nghiệp logistics, hãng tàu và các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm tăng cường hiệu quả của hoạt động cảng biển, kinh tế biển.

Điều 18. Phát triển các ngành dịch vụ, thương mại

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định phạm vi, danh mục, cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với ngành, lĩnh vực, mô hình dịch vụ, hình thức tổ chức không gian dịch vụ

tại Thành phố;

b) Quy định phạm vi, mô hình, điều kiện, cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với Trung tâm Outlet gắn với dịch vụ tổng hợp; hệ thống cửa hàng miễn thuế, cửa hàng hoàn thuế giá trị gia tăng và các mô hình thương mại, dịch vụ tích hợp khác tại Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định trình tự, thủ tục áp dụng cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 19. Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định trình tự, thủ tục thành lập; điều chỉnh ranh giới, diện tích, nội dung khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp;

b) Quy định cơ chế, chính sách về quản lý, tổ chức, hoạt động, ưu đãi đầu tư, tạo thuận lợi thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh và chính sách đặc thù phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định thành lập, điều chỉnh tên gọi, ranh giới, diện tích, mục tiêu, chức năng, nội dung khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp; đồng thời quyết định điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng thể Thành phố, điều chỉnh cục bộ các quy hoạch khác có liên quan;

b) Quyết định giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc.

3. Người đứng đầu cơ quan Hải quan quản lý Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp có thẩm quyền sau đây:

a) Quyết định công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp;

b) Quyết định thành lập, gia hạn thời gian hoạt động, tạm dừng và chấm dứt hoạt động kho, bãi ngoại quan; địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS); địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng bưu chính; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa chuyển phát nhanh; kho hàng không kéo dài; kho bảo thuế, kho xăng dầu, khí, hóa chất trong Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp;

c) Thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật hải quan.

4. Hoạt động đầu tư, kinh doanh trong Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp:

a) Nhà đầu tư nước ngoài tại Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp được thực hiện hoạt động kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa; kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép kinh doanh chuyển khẩu được thực hiện theo pháp luật về quản lý ngoại thương;

b) Doanh nghiệp có trụ sở chính và hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Khu thương mại tự do được niêm yết, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ; thanh toán, nhận thanh toán bằng ngoại tệ đối với các giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ với đối tác trong Khu thương mại tự do;

c) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở phòng giao dịch trong Khu thương mại tự do ngoài trụ sở chi nhánh theo trình tự, thủ tục do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

5. Đối với các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan theo quy định của pháp luật thì hàng hóa, dịch vụ mua, bán, trao đổi giữa các khu chức năng, giữa nước ngoài với các khu chức năng, giữa các khu chức năng với khu phi thuế quan hoặc với các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp khác đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan được áp dụng chính sách thuế như khu phi thuế quan theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thuế giá trị gia tăng.

Quan hệ mua, bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa khu chức năng trong Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan với khu vực bên ngoài trừ các khu chức năng đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan tại các Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp khác là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan, thuế và xuất khẩu, nhập khẩu.

6. Trường hợp Khu logistics tích hợp thuộc Khu thương mại tự do thì được áp dụng cơ chế, chính sách của cả Khu logistics tích hợp và Khu thương mại tự do.

Điều 20. Các cơ chế, chính sách đối với khu phi thuế quan trong khu đô thị đặc biệt

1. Không áp dụng các biện pháp quản lý ngoại thương, trừ biện pháp cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, biện pháp kiểm dịch đối với các trường hợp sau:

a) Hàng hóa từ nước ngoài đưa vào khu phi thuế quan;

b) Hàng hóa từ nội địa đưa vào khu phi thuế quan; hàng hóa mua, bán giữa các doanh nghiệp trong cùng một khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan khác nhau.

Quy định tại điểm a khoản này không áp dụng trong trường hợp Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có cảnh báo về an toàn thực phẩm gây nguy hại cho sức khỏe, tính mạng con người, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, thuần

phong mỹ tục, nguy hại cho kinh tế, định hướng bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia hoặc cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo dừng áp dụng chế độ miễn kiểm tra chuyên ngành;

2. Không áp dụng các biện pháp quản lý ngoại thương đối với hàng hóa nhập khẩu vào nội địa từ khu phi thuế quan là máy móc, thiết bị chưa qua sử dụng được đưa từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, sử dụng tại khu phi thuế quan;

3. Quan hệ trao đổi hàng hóa trong khu phi thuế quan, giữa khu phi thuế quan này với khu phi thuế quan khác, giữa khu phi thuế quan với nước ngoài là hoạt động lưu chuyển hàng hóa chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan. Cơ quan hải quan áp dụng biện pháp quản lý, giám sát theo hướng đơn giản hóa thủ tục thông báo, kê khai đối với các hoạt động này.

4. Quan hệ trao đổi hàng hoá giữa khu phi thuế quan với nội địa là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu. Doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thực hiện thủ tục khai tờ khai đơn giản khi có hoạt động trao đổi hàng hóa với nội địa. Doanh nghiệp nội địa thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

5. Hàng hóa đưa ra ngoài khu phi thuế quan để thực hiện các dịch vụ đặc thù có thời hạn, sau đó đưa trở lại vào khu phi thuế quan mà không làm thay đổi bản chất, tên gọi, mã số hàng hóa, thì không phải thực hiện thủ tục hải quan. Cơ quan hải quan áp dụng biện pháp quản lý giám sát theo hướng đơn giản hóa dựa trên kê khai vào ra khu phi thuế quan đối với các hàng hóa này, Thời hạn đưa ra, đưa vào khu phi thuế quan không quá 30 ngày.

6. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa ra vào khu phi thuế quan và lưu chuyển trong khu phi thuế quan.

Điều 21. Phát triển khu chức năng mới, loại hình kinh tế mới

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Điều kiện, tiêu chí xác định khu chức năng mới, loại hình kinh tế mới;

b) Trình tự, thủ tục thành lập, chấm dứt hoạt động; điều chỉnh tên gọi, ranh giới, diện tích, mục tiêu, chức năng, nội dung khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của khu chức năng mới;

c) Cơ chế, chính sách về quản lý, tổ chức, hoạt động, ưu đãi đầu tư, tạo thuận lợi thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh và chính sách khác phát sinh trong quá trình hoạt động của khu chức năng mới, loại hình kinh tế mới;

d) Phạm vi, điều kiện, ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động của khu chức năng mới; lĩnh vực kinh tế đô thị, kinh tế số, kinh tế sáng tạo, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tầm thấp, kinh tế bạc, kinh tế mới khác.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

- a) Việc thành lập, tổ chức, hoạt động của khu chức năng mới;
- b) Biện pháp triển khai loại hình kinh tế mới;
- c) Biện pháp quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và các vấn đề phát sinh khác.

Điều 22. Phát triển Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

- a) Quy định việc phát hành trái phiếu đô thị, trái phiếu công trình tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam để huy động vốn nhằm triển khai các dự án trọng điểm của Thành phố;
- b) Quy định cơ chế kết nối, tài trợ, hỗ trợ chuỗi giá trị giữa Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam với khu thương mại tự do, khu logistics, khu cảng mở, khu vực TOD, khu đô thị khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, khu chức năng khác;
- c) Quyết định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và thu nhập khác đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động;
- d) Quy định cơ chế, chính sách khác phù hợp với quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan để bảo đảm xây dựng, vận hành hiệu quả Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo hướng thể hệ mới, có hệ sinh thái tài chính toàn diện và đa dạng, tăng cường kết nối sâu rộng với thị trường vốn quốc tế.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

- a) Quyết định điều chỉnh vị trí, ranh giới, diện tích Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;
- b) Giao Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Cơ quan điều hành) thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân Thành phố nắm giữ 100% vốn điều lệ, để đầu tư vào tổ chức hạ tầng thị trường, hạ tầng công nghệ; quản lý và khai thác hạ tầng; phát hành các sản phẩm tài chính thông qua Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

3. Cơ quan điều hành tại Thành phố có thẩm quyền:

- a) Thành lập đơn vị sự nghiệp trực thuộc, đơn vị trực thuộc khác để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;
- b) Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép đối với công ty quản lý tài sản, ngân hàng có hoạt động ngân hàng đầu tư, các sản phẩm tài chính quốc tế;
- c) Cấp phép thành lập công ty quản lý tài sản, ngân hàng có hoạt động ngân hàng đầu tư; cấp phép phát hành sản phẩm tài chính quốc tế; cấp chứng nhận xanh,

công nhận kết quả xanh theo tiêu chuẩn quốc tế cho các sản phẩm tài chính, trừ trái phiếu xanh;

d) Áp dụng cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực quy định tại Điều 36 của Luật này và quy định khác của pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

4. Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam được thành lập Sở giao dịch chứng khoán quốc tế, tổ chức cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

5. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam được cung cấp dịch vụ tài chính, dịch vụ hỗ trợ khác phù hợp với Giấy phép cho tổ chức, cá nhân trong nước để giao dịch, thu hút vốn quốc tế tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Điều 23. Phát triển hạ tầng năng lượng và công nghiệp năng lượng gắn với an ninh năng lượng quốc gia

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mở rộng đối tượng tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện và khách hàng sử dụng điện trong phạm vi Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định về trình tự, thủ tục điều chỉnh, cập nhật, bổ sung quy hoạch phát triển điện lực trong phạm vi tổng công suất giao cho Thành phố theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này trên cơ sở phải bảo đảm an toàn hệ thống điện;

b) Quyết định Danh mục ngành, lĩnh vực, dự án được ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược để hình thành trung tâm công nghiệp năng lượng quốc gia sử dụng tích hợp điện, khí, khí hoá lỏng, lọc, hóa dầu, năng lượng tái tạo trên địa bàn Thành phố.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định điều chỉnh, cập nhật quy hoạch phát triển điện lực quốc gia trong phạm vi Thành phố; phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong Quy hoạch tổng thể Thành phố, bao gồm:

a1) Điều chỉnh thông tin chi tiết dự án nguồn điện, dự án pin lưu trữ (BESS); bổ sung dự án nguồn điện để bù đắp, thay thế dự án nguồn điện chậm tiến độ hoặc không triển khai; bổ sung dự án BESS để nâng cao khả năng vận hành của hệ thống điện;

a2) Điều chỉnh danh mục dự án trong quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong Quy hoạch tổng thể Thành phố;

a3) Điều chỉnh dự án lưới điện có cấp điện áp từ 220kV trở xuống, bao gồm tên gọi, số lượng, quy mô công suất, cấp điện áp, điểm đầu nối, thời gian, thông tin

khác của dự án; bổ sung dự án lưới điện để đồng bộ với nguồn điện, giải tỏa công suất nguồn điện, đáp ứng nhu cầu phụ tải, bảo đảm vận hành an toàn, ổn định hệ thống điện quốc gia;

b) Phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch chi tiết phát triển điện lực trong phạm vi quản lý của Thành phố;

c) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực đối với các dự án năng lượng trong phạm vi quản lý của Thành phố, bao gồm phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn, bán lẻ điện;

d) Quyết định điều chỉnh cục bộ, cập nhật, bổ sung các dự án thuộc Danh mục được ban hành tại điểm b khoản 2 Điều này vào quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch khác liên quan.

4. Dự án hạ tầng năng lượng và công nghiệp năng lượng có quy mô triển khai vượt ra ngoài phạm vi quản lý Thành phố được áp dụng cơ chế, chính sách quy định tại Luật này cho toàn bộ dự án và các chủ thể tham gia sau khi có ý kiến thống nhất của các địa phương liên quan.

Mục 4

PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH, GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, Y TẾ, AN SINH XÃ HỘI

Điều 24. Phát triển văn hóa, thể thao, du lịch

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội hóa, sử dụng ngân sách nhà nước để bảo vệ, phát triển văn hóa, thể thao, du lịch của Thành phố; việc hỗ trợ cá nhân, tổ chức tôn tạo, bảo vệ khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, công trình kiến trúc có giá trị; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn;

b) Quy định tổ chức, hoạt động, cơ chế quản lý, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế đêm; khu phát triển thương mại, văn hóa, thể thao; trung tâm, cụm, khu công nghiệp văn hóa; tổ hợp sáng tạo văn hóa; các loại hình tổ chức, thiết chế văn hóa, thể thao khác;

c) Quy định cơ chế, chính sách giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sáng tạo các công trình, sản phẩm, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật;

d) Quy định việc đặt tên, đổi tên đường, công trình công cộng trên địa bàn Thành phố;

đ) Quyết định danh mục di sản, khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, công trình kiến trúc, công trình khác có giá trị trên địa bàn Thành phố cần tập trung nguồn lực

để bảo vệ, phát huy giá trị;

e) Quy định cơ chế quản lý, khai thác hoạt động quảng cáo;

g) Quy định chính sách bảo đảm nguồn lực để đào tạo, phát triển nguồn nhân lực văn học, nghệ thuật, nhất là các loại hình nghệ thuật truyền thống; ưu đãi, hỗ trợ người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, nghệ nhân, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể, vận động viên, huấn luyện viên;

h) Quy định cơ chế hỗ trợ phát triển mô hình dịch vụ du lịch, sản phẩm du lịch và hoạt động du lịch;

i) Quy định tên gọi, tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục công nhận các loại hình cơ sở lưu trú du lịch chưa được quy định trong hệ thống tiêu chuẩn phân loại, xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch quốc gia.

2. Trên cơ sở yêu tố gốc cấu thành di tích và giá trị di tích, di sản trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định yêu cầu, điều kiện, hồ sơ quản lý, biện pháp bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, cải tạo công trình kiến trúc có giá trị, trừ di tích, di sản được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận hoặc ghi danh;

b) Quyết định việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt sau khi tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa ở trung ương theo trình tự, thủ tục do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định;

c) Quy định cơ chế hợp tác công - tư trong quản lý, khai thác, sử dụng di tích lịch sử - văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt sau khi tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa ở trung ương;

b) Cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế đối với doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố;

c) Thẩm định, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn Thành phố.

Điều 25. Phát triển giáo dục, đào tạo

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ sở giáo dục có nhiều cấp học, cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở thực hiện liên kết giáo dục và các mô hình trường

tiên tiến, hiện đại;

b) Chính sách cấp học bổng, cơ chế ưu đãi đặc biệt cho người có năng khiếu, tài năng, có thành tích đặc biệt xuất sắc; cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ khác cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực, ngành trọng điểm trên địa bàn Thành phố;

c) Cơ chế, chính sách hỗ trợ giáo dục, phát triển giáo dục toàn diện trong cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố;

d) Cơ chế, chính sách giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng đối với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức có chức năng đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;

đ) Chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố tham gia các hoạt động giáo dục.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định việc thực hiện liên kết giáo dục giữa cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, tư thục với cơ sở nước ngoài;

b) Bổ sung chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông nhưng phải bảo đảm yêu cầu về mục tiêu giáo dục, phẩm chất, năng lực của học sinh cần đạt được và nội dung giáo dục bắt buộc của chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông quốc gia;

c) Ban hành chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đối với cơ sở giáo dục quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phù hợp với mục tiêu phát triển giáo dục của Thành phố và yêu cầu về mục tiêu giáo dục, phẩm chất, năng lực của học sinh cần đạt được và nội dung giáo dục bắt buộc của chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông quốc gia;

d) Quy định tiêu chí, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và dịch vụ giáo dục đối với cơ sở giáo dục quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và cơ sở giáo dục trọng điểm trên địa bàn Thành phố.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động trường đại học công lập, cao đẳng công lập do Thành phố quản lý; cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động trường đại học tư thục, cao đẳng tư thục trên địa bàn Thành phố;

b) Cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động đối với trường đại học, cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, liên kết đào tạo với

cơ sở nước ngoài trên địa bàn Thành phố sau khi lấy ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 26. Phát triển hệ thống y tế, an sinh xã hội

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Chính sách hỗ trợ từ ngân sách Thành phố để chi trả cho chi phí phòng bệnh; chi phí khám bệnh, chữa bệnh ngoài phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế theo lộ trình phù hợp;

b) Các dịch vụ, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh lưu động, từ xa, ứng dụng công nghệ số;

c) Chính sách phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện, vận chuyển y tế; giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện và tỷ lệ đồng chi trả của người bệnh khi sử dụng dịch vụ cấp cứu ngoại viện để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ thanh toán;

d) Cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động của hệ thống y tế các cấp trên địa bàn Thành phố; huy động, đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các cơ sở y tế trên địa bàn Thành phố tham gia hoạt động cấp cứu ngoại viện, vận chuyển y tế, phòng chống dịch bệnh, ứng phó thảm họa, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và các nhiệm vụ y tế công ích khác của Thành phố;

đ) Chế độ, chính sách ưu đãi vượt trội cho người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố;

e) Cơ chế, chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo hướng mở rộng đối tượng, nâng mức thụ hưởng bảo đảm hệ thống an sinh xã hội toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; phát triển hệ thống cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố;

g) Cơ chế, chính sách phát triển dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người nước ngoài tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền điều phối quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của bệnh viện công lập cho bệnh viện công lập khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố trong trường hợp số dư quỹ vượt quá 02 lần mức trích khấu hao, hao mòn tài sản cố định hằng năm và đơn vị có quỹ không có nhu cầu sử dụng để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Thừa nhận giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam;

b) Cấp phép nhập khẩu thuốc chưa có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt được sử dụng cho mục đích cấp cứu hoặc chống độc, chống thải ghép hoặc thuốc thuộc Danh mục thuốc hiếm cho các cơ sở

khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn;

c) Quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt.

4. Người nước ngoài đến khám, chữa bệnh tại cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn Thành phố được xem xét gia hạn thời hạn tạm trú căn cứ theo yêu cầu khám, chữa bệnh có xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh. Trường hợp người nước ngoài quy định tại khoản này có thành viên gia đình (bao gồm cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi) đi cùng để chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian khám, chữa bệnh thì được xem xét gia hạn thời hạn tạm trú theo quy định tại khoản này.

Ủy ban nhân dân Thành phố quy định phạm vi, lĩnh vực, điều kiện, tiêu chí xác định đối tượng; xác nhận cơ sở khám, chữa bệnh để được xem xét gia hạn thời hạn tạm trú tại Việt Nam.

Điều 27. Quản lý an toàn thực phẩm

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cơ chế, chính sách về ưu đãi, hỗ trợ, đầu tư, nguồn lực để bảo đảm hiệu quả về an toàn thực phẩm; phát triển cơ sở hạ tầng dùng chung và hệ thống cơ sở dữ liệu trong quản lý thực phẩm và an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố, vùng Đô thị đặc biệt.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Tổ chức, vận hành hệ thống kiểm tra an toàn thực phẩm dựa trên quản lý, kiểm soát, giám sát rủi ro;

b) Quy định quy chế cung ứng, cung cấp thông tin về nguyên liệu thực phẩm, sản phẩm thực phẩm tại Thành phố và nhập vào Thành phố;

c) Quy định về biện pháp, quy trình giám sát, phản ứng nhanh để phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm.

Mục 5

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Điều 28. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện phát triển của đô thị đặc biệt và các yêu cầu sau đây:

a) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải được tích hợp trong hoạch định chính sách, quản lý nhà nước và phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội của Thành phố. Ưu tiên giải quyết các vấn đề lớn của Thành phố; thu hút,

trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bằng các chính sách vượt trội;

b) Ưu tiên thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, làm cơ sở để tổng kết thực tiễn, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật và nhân rộng các mô hình hiệu quả;

c) Quản trị rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố;

d) Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được phân bổ, sử dụng linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, minh bạch, dựa trên kết quả đầu ra gắn với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi số, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và hiệu quả quản lý đô thị.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố;

b) Tiêu chí và cơ chế, chính sách cho khu đô thị khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;

c) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chuyển giao công nghệ, tạo lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ươm tạo, hoạt động của doanh nghiệp khởi nguồn, thương mại hóa sản phẩm, kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ; sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu sản phẩm công nghệ số; phát triển tài sản số;

d) Việc tổ chức, hoạt động, quản lý Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố;

đ) Việc sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đóng góp vào Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố; chính sách ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đã đóng góp vào Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố để thực hiện nhiệm vụ, dự án, đề án phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

e) Việc giao trực tiếp, chỉ định thầu đối với nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, dự án ứng dụng công nghệ số có sử dụng ngân sách Thành phố;

g) Việc thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công

nghệ công lập khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và viên chức làm việc tại các cơ sở, tổ chức đó;

h) Lĩnh vực, tiêu chí, điều kiện, trình tự thủ tục, nội dung, mức hỗ trợ không hoàn lại từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách Thành phố chi phí ương tạo dự án khởi nghiệp sáng tạo bao gồm chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; tiền công lao động trực tiếp; dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ương tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, khu làm việc chung;

i) Tiêu chí, đối tượng, điều kiện ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và chính sách ưu đãi khác đối với người làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập và trong tổ chức khoa học và công nghệ tham gia xây dựng, hình thành và quản lý trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế; ưu đãi thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

k) Việc bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư mạo hiểm Thành phố.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định khoản chi trong thực hiện nhiệm vụ, dự án, đề án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách Thành phố;

b) Quy định việc huy động, sử dụng nguồn lực từ tài trợ, hỗ trợ, hình thức hợp tác công - tư và các hình thức khác trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Quy định việc xây dựng, tạo lập, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, bảo đảm liên thông, kết nối với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương; phương thức quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu;

d) Quy định về bảo đảm an toàn, quản lý rủi ro, biện pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước trên địa bàn;

đ) Ban hành quy chuẩn kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn trong các lĩnh vực cần có mức yêu cầu cao hơn hoặc chưa có quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia; lựa chọn, công nhận, áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại của nước ngoài, khu vực, quốc tế.

Việc thực hiện quy định tại điểm này phải bảo đảm liên thông, kết nối kỹ thuật, quản lý dữ liệu với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương, địa phương khác và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia; không tạo rào cản đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và thương mại;

e) Đầu tư, mua sắm tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất dùng chung và giao quyền quản lý, sử dụng, khai thác cho các đơn vị không thuộc quyền quản lý của địa phương để phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi

số trên địa bàn có hiệu quả.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có sử dụng ngân sách Thành phố được áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn để lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ, hàng hóa khi thực hiện nhiệm vụ, trừ trường hợp mua sắm trực tiếp theo quy định của pháp luật.

5. Doanh nghiệp được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đầu tư vào Quỹ đầu tư mạo hiểm có ngân sách Thành phố.

Điều 29. Thử nghiệm có kiểm soát

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục cho phép, điều chỉnh, kết thúc, hoàn thành việc thử nghiệm có kiểm soát công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới và các mô hình khác;

b) Cơ chế hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; cơ chế bảo vệ người tham gia thử nghiệm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát;

c) Chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào phê duyệt, hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; việc sử dụng cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, cơ sở hạ tầng, tài sản công để hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát;

d) Chính sách ưu tiên mua sắm, đầu tư từ ngân sách Thành phố và hỗ trợ phát triển thị trường đối với dự án thử nghiệm có kiểm soát được đánh giá đạt hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Quyết định cho phép thử nghiệm và ban hành quy chế thử nghiệm đối với từng dự án thử nghiệm; quyết định việc tạm thời không áp dụng một số quy định pháp luật trong phạm vi giới hạn thử nghiệm đối với từng dự án thử nghiệm cụ thể đã có quy định của pháp luật nhưng không đủ cụ thể hoặc không còn phù hợp; điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, tạm dừng, gia hạn, kết thúc thử nghiệm;

b) Thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; tổ chức hướng dẫn và kiểm soát quá trình thử nghiệm;

c) Báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về tình hình, kết quả thử nghiệm có kiểm soát; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực, nội dung có liên quan.

3. Việc thực hiện thử nghiệm có kiểm soát phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, lợi ích công cộng, bảo vệ quyền lợi của người tham gia thử nghiệm.

Điều 30. Phát triển khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Các loại hình khu công nghệ cao, là khu vực nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, ứng dụng công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao và đổi mới sáng tạo trọng điểm; là nơi thử nghiệm, thí điểm về cơ chế, chính sách cho việc quản lý, phát triển công nghệ cao và các khu công nghệ cao;

b) Việc thành lập, điều chỉnh, đầu tư xây dựng, quản lý và phát triển khu công nghệ cao; chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố;

c) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ và nguồn lực hỗ trợ phát triển hạ tầng khu công nghệ cao, dự án đầu tư và các hoạt động tại khu công nghệ cao;

d) Cơ chế, chính sách, mô hình quản lý, quản trị khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố;

đ) Cơ chế, chính sách phát triển đô thị công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

2. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng khác đối với khu công nghệ cao theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Mục 6

NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐẶC BIỆT

Điều 31. Quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách

1. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao sau khi đã thực hiện thưởng vượt dự toán các khoản thu theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với các khoản thu sau đây:

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu);

b) Thuế thu nhập cá nhân;

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;

d) Thuế bảo vệ môi trường.

2. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố không quá 70% số tăng thu từ các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% trên địa

bàn Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao đối với các khoản thu sau đây:

- a) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung;
- b) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- c) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện (trừ phí thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí). Các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
- d) Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu, trừ lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Khoản bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và bảo đảm ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu. Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ quyết định mức bổ sung có mục tiêu phù hợp với yêu cầu thực tế điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm tính chủ đạo của ngân sách trung ương.

Các khoản thu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không bao gồm khoản thu không giao cho Thành phố quản lý thu, không phát sinh trên địa bàn Thành phố mà chỉ hạch toán nộp ở Thành phố; khoản thu đã được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng cho nhiệm vụ chi cụ thể; khoản hạch toán ghi thu, ghi chi và các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các khoản thu quy định tại khoản 4 Điều này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố.

4. Ngân sách Thành phố được hưởng toàn bộ các khoản thu sau đây:

- a) Thu từ giao dịch tín chỉ các-bon, kết quả giảm phát thải khí nhà kính từ các chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon sử dụng ngân sách Thành phố;
- b) Thu từ phí, lệ phí do Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành ngoài Danh mục phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;
- c) Các khoản thu khác theo quy định tại Luật này mà chưa được quy định trong pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

- a) Quy định nội dung chi từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương của Thành phố nhưng phải bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách

an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Quy định nội dung chi từ nguồn tăng thu ngân sách Thành phố, nguồn thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố và nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, ngoài các nội dung đã được quy định theo pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Quy định việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu dự án, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị, trái phiếu xanh; vay từ các tổ chức tài chính trong nước, quốc tế để huy động vốn nhằm triển khai các dự án đầu tư của Thành phố;

d) Quy định việc sắp xếp, tổ chức lại các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động theo hướng đa mục tiêu, đa chức năng, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả;

đ) Quy định hoặc giao Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, cơ chế khoán chi đối với các nhiệm vụ chi sử dụng ngân sách Thành phố khác hoặc chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

e) Quy định việc bố trí nguồn vốn chi thường xuyên để chủ động phân bổ và giao dự toán thực hiện chuẩn bị đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành trong năm ngân sách. Việc bố trí vốn phải bảo đảm yêu cầu về kỷ luật, kỷ cương giải ngân các nguồn vốn, không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản;

g) Quyết định cơ cấu chi ngân sách Thành phố phù hợp với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; việc sử dụng các nguồn kết dư ngân sách, quỹ ngân sách của Thành phố;

h) Quyết định việc sử dụng ngân sách cấp Thành phố để thực hiện dự án đầu tư, công trình, dự án ngoài địa bàn Thành phố;

i) Quyết định việc sử dụng ngân sách cấp Thành phố để hỗ trợ quốc gia khác;

k) Bố trí vốn đầu tư công từ ngân sách Thành phố để hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố được tổ chức có chức năng quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay hoặc làm đầu mối cho vay hợp vốn với các tổ chức tín dụng theo đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, mức, thời gian hỗ trợ do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cụ thể;

l) Quyết định điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%;

m) Quy định khoản thu khác theo quy định tại Luật này mà chưa được quy

định trong pháp luật về ngân sách nhà nước;

n) Quyết định việc trích lập quỹ dự trữ tài chính phù hợp với khả năng, nhu cầu của địa phương và bảo đảm số dư của Quỹ không quá 25% dự toán chi ngân sách hằng năm;

o) Quy định trình tự, thủ tục sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện trách nhiệm chi trả của nhà nước cho tổ chức, cá nhân theo bản án, quyết định của Tòa án; quyết định, phán quyết của Hội đồng trọng tài; kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hoặc theo quyết định giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo đã có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn Thành phố;

p) Quy định việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ thưởng của Thành phố.

6. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định thành lập, ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ thưởng của Thành phố theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Nguồn tài chính của Quỹ thưởng được trích từ nguồn tăng thu thuế, phí thực hiện hằng năm so với dự toán của ngân sách Thành phố và các nguồn tài chính hợp pháp khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định;

b) Quyết định điều hành linh hoạt việc sử dụng ngân sách Thành phố cho chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên trong tổng nguồn vốn ngân sách Thành phố đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất và tổng hợp báo cáo tại kỳ họp thường lệ cuối năm.

Điều 32. Thẩm quyền đầu tư

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công, dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội sử dụng vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương, trừ dự án đầu tư nhà máy điện hạt nhân;

b) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công, dự án PPP trên địa bàn Thành phố có sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi là ODA), vốn vay ưu đãi của nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công, dự án PPP đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và giao Ủy ban nhân dân Thành phố làm cơ quan chủ quản thực hiện dự án trong trường hợp không làm tăng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nước ngoài.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

b) Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ dự án đầu tư kinh doanh đặt cược, casino, dự án nhà máy điện hạt nhân, dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, xuất bản, báo chí, dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật trên địa bàn Thành phố.

3. Đối với dự án đầu tư theo quy định của khoản 3 Điều 2 của Luật này cần áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền và sau khi tham vấn các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hội đồng nhân dân Thành phố báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

4. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục hình thức lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu, loại hợp đồng và cơ chế thanh toán PPP;

b) Trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư khẩn cấp, lệnh xây dựng công trình khẩn cấp trên địa bàn Thành phố;

c) Việc chỉ định thầu, chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với dự án, hạng mục cần triển khai ngay nhằm bảo đảm tiến độ thực hiện dự án;

d) Cơ chế, chính sách về đầu tư, quản lý cơ sở hạ tầng và biện pháp hỗ trợ khác cho phát triển dịch vụ pháp lý, giải quyết tranh chấp quốc tế trên địa bàn Thành phố;

đ) Thời hạn nộp hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Đối với dự án do cơ quan có thẩm quyền của Thành phố quyết định hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà ở, đấu thầu chậm triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân Thành phố quy định hoặc quyết định chính sách, biện pháp đặc biệt, khác với quy định của pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc với điều kiện phải bảo đảm các nguyên tắc, yêu cầu sau đây:

a) Phải có kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc bản án đã có hiệu lực pháp luật,

trong đó nguyên nhân dẫn đến vi phạm, sai phạm là do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước hoặc do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước và nhà đầu tư, chủ đầu tư; cho phép xử lý tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đồng thời với quá trình xử lý trách nhiệm theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án, bảo đảm không làm phát sinh sai phạm mới và có phương án khắc phục thiệt hại;

b) Đối với dự án đang trong quá trình tiến hành tổ tụng hình sự, hành chính, dân sự thì việc áp dụng quy định tại khoản này chỉ được thực hiện sau khi có bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định đình chỉ vụ án; trường hợp bản án đã có hiệu lực pháp luật có nội dung quyết định xử lý khác với quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành theo quy định tại khoản này thì thực hiện theo bản án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm khắc phục hậu quả các vi phạm về kinh tế, thu hồi lợi ích vật chất do hành vi vi phạm; không hợp pháp hóa sai phạm, không để phát sinh sai phạm mới; kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân có hành vi lợi dụng việc thực hiện quy định tại khoản này để tham nhũng, tiêu cực, bao che hành vi vi phạm;

d) Bảo đảm phù hợp với thực tiễn khách quan, hoàn cảnh lịch sử cụ thể; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan, lợi ích chính đáng của bên thứ ba ngay tình trong lợi ích tổng thể của quốc gia theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hạn chế tối đa các tranh chấp, khiếu kiện, nhất là tranh chấp có yếu tố nước ngoài;

đ) Phải phân loại dự án theo tiêu chí về nguyên nhân chậm triển khai; việc quyết định các biện pháp giải quyết phải phù hợp với tình trạng pháp lý, nghĩa vụ tài chính, mức độ vi phạm và khả năng tiếp tục thực hiện của từng dự án;

e) Công khai đầy đủ các thông tin về dự án, khó khăn, vướng mắc và tất cả trình tự, thủ tục, quyết định xử lý dự án; trước ngày 31 tháng 12 hằng năm báo cáo Chính phủ tình hình xử lý dự án nếu áp dụng chính sách, biện pháp khác với quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ hoặc báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội nếu khác với quy định của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

g) Việc xử lý dự án chậm triển khai quy định tại khoản này phải hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031; trường hợp cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo Luật này mà đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031 chưa kết thúc thì được tiếp tục triển khai theo quyết định đã ban hành nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm 2036;

h) Việc xử lý dự án chậm triển khai quy định tại khoản này không làm thay

đổi hoặc làm chấm dứt trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm pháp lý khác theo kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc theo bản án đã có hiệu lực pháp luật (nếu có).

6. Nhà đầu tư được gia hạn thời hạn hoạt động của dự án trước khi hết thời hạn hoạt động của dự án trừ trường hợp Luật Đầu tư không cho phép gia hạn.

Điều 33. Sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân trong quản lý, khai thác, sử dụng tài sản để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về phạm vi, lĩnh vực, điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục; cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong áp dụng hình thức hợp tác giữa Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân trong việc tham gia quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác với điều kiện bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản hiệu quả, đúng mục đích, công năng của tài sản, tiêu chuẩn, chế độ; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ;

b) Thỏa thuận bình đẳng, tự nguyện với nhà đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, tài sản trong thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước;

c) Công khai thông tin và các cam kết của hợp đồng về chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, chuyển nhượng quyền có thời hạn quyền khai thác, cho thuê quyền khai thác hoặc phương thức khác trong quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, công trình, tài sản công khác, trừ thông tin bí mật theo quy định của luật;

d) Bảo đảm việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc lựa chọn, áp dụng hình thức hợp tác quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 34. Thu hút nhà đầu tư chiến lược

1. Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược bao gồm:

a) Đầu tư xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ xanh, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

b) Đầu tư dự án trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

c) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh khu phức hợp giải trí nghỉ dưỡng bao gồm dịch vụ lưu trú phục vụ khách du lịch đạt chuẩn tối thiểu 5 sao, dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp và ít nhất một trong các dịch vụ mua sắm, vui chơi giải trí tổng hợp, y tế chuyên sâu, cơ sở hạ tầng giao thông kết nối các khu tại hành lang sông, hành lang ven biển, đảo để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

d) Dự án đầu tư cơ sở y tế chuyên sâu có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên; cơ sở chăm sóc người cao tuổi có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ trở lên; khu liên hợp thể thao, công viên văn hóa hoặc công viên chuyên đề có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên;

đ) Dự án cải tạo, di dời nhà trên sông, nhà ven sông, nhà trên kênh rạch, nhà ven kênh rạch có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên;

e) Dự án đầu tư độc lập hoặc kết hợp các loại hình công viên cây xanh công cộng, bãi đỗ xe công cộng, hạ tầng năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên;

g) Dự án nhà máy đốt rác phát điện có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên;

h) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình thoát nước có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

i) Dự án xử lý, chuyển đổi các bãi chôn lấp rác đã dừng hoạt động vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội có quy mô vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên;

k) Dự án thuộc khu trọng điểm phát triển đô thị được xác định theo Quy hoạch tổng thể Thành phố có quy mô vốn đầu tư từ 50.000 tỷ đồng trở lên;

l) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng tại khu thương mại tự do bao gồm: đầu tư bến cảng quy mô vốn từ 75.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư khu logistics tích hợp quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư khu chức năng công nghiệp, đô thị, dịch vụ với quy mô vốn đầu tư từ 20.000 tỷ đồng trở lên;

m) Dự án đầu tư lĩnh vực dịch vụ, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này có quy mô từ 10.000 tỷ đồng trở lên;

n) Dự án ưu tiên thu hút đầu tư tại đặc khu bao gồm: đầu tư nâng cấp, mở rộng cảng hàng không có quy mô vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt có quy mô vốn đầu tư từ 800 tỷ đồng trở lên; đầu tư bến tàu khách, tàu hàng có quy mô vốn đầu tư từ 2.000

tỷ đồng trở lên; đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình giao thông kết hợp thương mại, dịch vụ có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên.

2. Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

3. Nhà đầu tư chiến lược phải bảo đảm khả năng huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư và đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 20% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư đến dưới 30.000 tỷ đồng;

b) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 15% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

c) Trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư tham gia đầu tư cùng một dự án thì tổng vốn chủ sở hữu góp vào dự án của các nhà đầu tư phải đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này, trong đó phải có ít nhất 01 nhà đầu tư góp tối thiểu là 30% và các nhà đầu tư còn lại phải góp tối thiểu là 15%. Trường hợp dự án gồm nhiều dự án thành phần hoặc gồm nhiều phân kỳ đầu tư thì vốn chủ sở hữu tối thiểu góp vào dự án được xác định theo từng dự án thành phần hoặc theo phân kỳ đầu tư nhưng không được thấp hơn 30% tổng số vốn chủ sở hữu tối thiểu góp vào dự án của dự án trừ dự án nhà ở thương mại và tuân thủ quy định tại khoản 10 Điều này;

d) Ngoài điều kiện quy định tại điểm a, b và c khoản này, nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án tại điểm i khoản 1 Điều này phải xử lý triệt để ô nhiễm môi trường đất, nước ngầm trước khi chuyển đổi mục đích sử dụng; đồng thời tiếp tục quan trắc, đánh giá tác động môi trường của khu vực bãi chôn lấp rác đã xử lý, cải tạo khi thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội nhằm ngăn ngừa rủi ro ô nhiễm môi trường thứ cấp.

4. Nhà đầu tư chiến lược phải có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định.

5. Nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này được lựa chọn theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 7 Điều này để thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 1 Điều này thì được hưởng ưu đãi đầu tư và có nghĩa vụ quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều này.

6. Căn cứ Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất dự án đầu tư. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện như sau:

a) Dự án đầu tư kinh doanh thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều này;

b) Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định tại

khoản 8 Điều này.

7. Đối với dự án đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư, trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện dự án và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thực hiện như sau:

a) Đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp có 01 nhà đầu tư đề xuất và đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Trường hợp dự án quy định tại điểm a khoản này có 02 nhà đầu tư chiến lược trở lên cùng nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại cùng một địa điểm, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư chiến lược đầu tiên thì cơ quan đăng ký đầu tư báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí chấm điểm và thành lập Hội đồng xét duyệt nhà đầu tư chiến lược theo danh mục để công khai và công bằng trong lựa chọn nhà đầu tư chiến lược;

c) Đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư chiến lược trở lên nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại cùng một địa điểm, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư chiến lược đầu tiên thì cơ quan đăng ký đầu tư lựa chọn nhà đầu tư tương tự quy định tại điểm b khoản này;

d) Đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

8. Đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trình tự, thủ tục đề xuất dự án và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thực hiện như sau:

a) Trường hợp có 01 nhà đầu tư chiến lược đề xuất dự án và đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thì nhà đầu tư này được lựa chọn làm nhà đầu tư thực hiện dự án. Cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với nhà đầu tư được lựa chọn;

b) Trường hợp có 02 nhà đầu tư chiến lược trở lên cùng nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện cùng một dự án, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư chiến lược đầu tiên thì cơ quan có thẩm quyền báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí chấm điểm và thành lập Hội đồng xét duyệt nhà đầu tư chiến lược. Nhà đầu tư chiến lược có đề xuất dự án phù hợp hơn được lựa chọn làm nhà đầu tư thực hiện dự án;

c) Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư (nếu có), phê duyệt dự án, ký kết và thực hiện hợp đồng dự án thực hiện theo quy định của pháp

luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

d) Đối với nội dung không quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

9. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Thời hạn thực hiện dự án đến 70 năm đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên trừ dự án nhà ở thương mại;

b) Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thành phố khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và các quy định về thời hạn đối với các điều kiện có quy định về thời hạn để được áp dụng chế độ ưu tiên và thực hiện thủ tục hải quan tại đơn vị hải quan quản lý địa bàn thành phố.

Trưởng Hải quan khu vực quản lý địa bàn thành phố có thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên của nhà đầu tư chiến lược tại đô thị đặc biệt;

c) Hỗ trợ phát triển nhân lực; hạ tầng và các công trình hạ tầng xã hội; chi phí hỗ trợ cho các sản phẩm công nghệ cao; nghiên cứu và phát triển;

d) Huy động nguồn vốn từ trái phiếu quốc tế thông qua Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

10. Nhà đầu tư chiến lược có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 30.000 tỷ đồng thì phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bàn giao đất, đất có mặt nước trên thực địa.

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng thì phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 07 năm kể từ ngày bàn giao đất, đất có mặt nước trên thực địa.

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 50.000 tỷ đồng đến dưới 100.000 tỷ đồng thì phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 10 năm kể từ ngày bàn giao đất, đất có mặt nước trên thực địa.

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 100.000 tỷ đồng trở lên thì phải giải ngân tối thiểu 50.000 tỷ đồng trong thời hạn 10 năm đầu tiên và hoàn tất việc đầu tư, xây

dựng theo tiến độ thực hiện dự án nhưng tối đa không quá 20 năm kể từ ngày bàn giao đất, đất có mặt nước trên thực địa;

c) Không được chuyển nhượng dự án trong thời hạn giải ngân quy định tại điểm b khoản này kể từ ngày bàn giao đất, đất có mặt nước trên thực địa; đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 100.000 tỷ đồng trở lên quy định tại điểm b khoản này thì không được chuyển nhượng dự án trong thời hạn 10 năm kể từ ngày bàn giao đất, đất có mặt nước trên thực địa;

d) Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện việc ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ chiến lược trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận giữa các bên, bảo đảm tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ và phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

11. Nhà đầu tư chiến lược được thành lập doanh nghiệp 100% vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư và thông báo cho cơ quan đăng ký đầu tư nơi thực hiện dự án mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư. Doanh nghiệp thành lập theo khoản này phải bảo đảm tuân thủ đầy đủ điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược.

12. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược và doanh nghiệp dự án theo quy định tại khoản 2 Điều này không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi quy định khoản 9 Điều này. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

13. Về thực hiện quy hoạch đối với dự án thuộc Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược:

a) Đối với các khu vực đã có nhà đầu tư được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư thì Ủy ban nhân dân Thành phố giao nhà đầu tư tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch phân khu (nếu cần), trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhà đầu tư được lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, lấy ý kiến cộng đồng dân cư đồng thời với quy hoạch phân khu và không cần lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định chỉ tiêu sử dụng đất ngoài các chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ theo quy hoạch sử dụng đất quốc gia trong phạm vi địa bàn Thành phố, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị, nhu cầu thực tiễn và cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở thời kỳ tiếp theo.

14. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Điều chỉnh, bổ sung Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược và quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược căn cứ vào điều kiện thực tiễn của Thành phố và bảo đảm điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Quy định trách nhiệm bồi hoàn các khoản ưu đãi đã nhận trong trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược và không thực hiện đúng cam kết với Thành phố.

Điều 35. Quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

1. Các trường hợp thu hồi đất trên địa bàn Thành phố:

a) Các trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 của Luật này;

c) Thu hồi đất vùng phụ cận đường bộ, nhà ga, đề-pô đường sắt địa phương đồng thời với việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng mới trục đường bộ, đường sắt địa phương hoặc mở rộng trục đường bộ hiện có theo quy hoạch.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu hồi cơ sở nhà, đất trên địa bàn Thành phố do cơ quan Trung ương quản lý khi có căn cứ thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Cơ sở nhà, đất thuộc diện bị xử lý theo quy định tại điểm này được sử dụng phục vụ cho phát triển hạ tầng, nhà ở xã hội, công trình công cộng và tạo nguồn lực đầu tư phát triển;

b) Sau khi có ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền cho phép triển khai thực hiện đối với dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 của Luật này, Thành phố sử dụng ngân sách cấp Thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư độc lập trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục để thực hiện quy định tại điểm này.

c) Quy định cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

d) Quyết định chỉ tiêu sử dụng đất, trừ chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh;

đ) Quy định việc phát triển không gian xanh trong đô thị phù hợp với quy hoạch đối với quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý nhưng chưa giao, chưa cho thuê, chưa sử dụng;

e) Quy định trường hợp thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu

xây dựng thông thường và nhóm IV đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép không phải thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định trình tự, thủ tục đối với các trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 và điểm đ khoản này;

b) Quy định việc góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để chỉnh trang, tái thiết hoặc xây dựng mới đô thị và nông thôn theo quy hoạch của Thành phố;

c) Quyết định tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp; điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, nông nghiệp đô thị;

d) Quyết định diện tích, tỷ lệ sử dụng đất để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn;

đ) Quyết định danh mục dự án được tổ chức thực hiện trước việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều này;

e) Quyết định mức hỗ trợ bằng tiền để tự lo nơi ở mới đối với trường hợp người có đất thu hồi, đủ điều kiện tái định cư nhưng chưa có quỹ nhà, đất tái định cư để bố trí theo quy định;

g) Quyết định trường hợp áp dụng Bảng giá đất; Bảng giá đất và hệ số điều chỉnh hoặc xác định giá đất cụ thể cho một số trường hợp để phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố;

h) Quyết định cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước không căn cứ vào quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch có liên quan trong trường hợp cần thiết để bảo đảm an ninh nguồn nước. Việc cấp phép phải phù hợp với phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước, hạn ngạch khai thác và khả năng đáp ứng của nguồn nước; trường hợp nội dung cấp phép chưa phù hợp với quy hoạch thì được cập nhật trong kỳ lập hoặc điều chỉnh quy hoạch gần nhất theo quy định của pháp luật;

i) Quyết định việc đưa các hồ hình thành từ moong khai thác khoáng sản đã hoàn thành việc đóng cửa mỏ ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp;

k) Lựa chọn, chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ, đập chứa nước, ao, đầm mà sản phẩm thu hồi được sử dụng phục vụ dự án quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật này;

l) Quy định việc quản lý khoáng sản trên địa bàn Thành phố về hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản nhóm II làm phụ gia xi măng, nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường và nhóm IV; thu hồi khoáng sản; chế biến khoáng sản; khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tài chính về địa chất, khoáng sản; đóng cửa mỏ khoáng sản; quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế mỏ, môi trường và sử dụng đất trong hoạt động khoáng sản.

Điều 36. Thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách thu hút, trọng dụng đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, người có tài năng làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố, bao gồm:

a) Chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thu nhập, tiền lương, tiền thưởng và các chế độ đãi ngộ khác;

b) Chính sách về nhà ở, cư trú và các điều kiện làm việc cần thiết;

c) Cơ chế đặc thù để thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng, người có chuyên môn, trình độ cao trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của Thành phố;

d) Chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số và nguồn nhân lực trong các lĩnh vực trọng điểm khác.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách và việc sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện:

a) Hỗ trợ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục, đào tạo trọng điểm trên địa bàn Thành phố;

b) Chính sách xã hội về nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố;

c) Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề trong nước và tại cơ sở đào tạo ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

d) Đầu tư hiện đại hóa một số trường cao đẳng trọng điểm, chất lượng cao đạt chuẩn khu vực, quốc tế phù hợp với định hướng phát triển ngành, nghề ưu tiên; thực hiện chính sách hỗ trợ học phí đối với người học theo học các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

3. Người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, người lao động có trình độ cao được hỗ trợ giải quyết thủ tục cấp Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động hoặc Giấy phép lao động và được xem xét cấp thị thực, thẻ tạm trú cùng thành viên gia đình theo quy định của

pháp luật.

Ủy ban nhân dân Thành phố quy định phạm vi, lĩnh vực, điều kiện, tiêu chí cấp giấy phép lao động hoặc Giấy phép lao động cho diện đối tượng theo quy định tại khoản này.

Điều 37. Thu hút đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển doanh nghiệp

1. Các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố được ưu đãi, hỗ trợ bao gồm:

a) Dự án đầu tư vào lĩnh vực thể thao trọng điểm, thành lập trung tâm công nghiệp văn hóa, dự án thuộc các ngành công nghiệp văn hóa, các ngành nghệ thuật truyền thống theo danh mục chi tiết do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

b) Dự án đầu tư cơ sở giáo dục - đào tạo các cấp, giáo dục nghề nghiệp; cơ sở đào tạo dành cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;

c) Dự án đầu tư cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; cơ sở chăm sóc sức khỏe chất lượng cao cho người cao tuổi;

d) Dự án đầu tư phát triển sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu của người cao tuổi; sử dụng phù hợp với người lao động là người cao tuổi, gắn với phát triển đô thị bền vững, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe;

đ) Dự án đầu tư vào cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

e) Dự án hoạt động công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghệ số, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ của Thành phố;

g) Dự án sử dụng công nghệ cao, tiên tiến trong lĩnh vực môi trường, giảm phát thải các-bon, ứng phó biến đổi khí hậu, xử lý chất thải, nước thải;

h) Dự án đường sắt địa phương;

i) Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, đổi mới thiết bị, công nghệ trong sản xuất công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ; dự án hạ tầng năng lượng và công nghiệp năng lượng thuộc Danh mục được ban hành theo điểm b khoản 2 Điều 23 của Luật này; dự án năng lượng mới, năng lượng tái tạo, khí, khí hóa lỏng, lọc, hóa dầu; dự án lưu trữ năng lượng; dự án lưới điện thông minh; dự án đầu tư phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm hội chợ triển lãm hàng hóa, Trung tâm Outlet, trung tâm logistics, cảng cạn, kho hàng hóa trên địa bàn Thành phố;

k) Doanh nghiệp sinh thái; dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp chuyên ngành;

l) Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống; dự án nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; dự án nghiên cứu, sản xuất cây giống nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản; dự án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất nông nghiệp; dự án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển; dự án đầu tư cơ sở giết mổ động vật tập trung đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia về vệ sinh thú y;

m) Dự án đầu tư lĩnh vực dịch vụ, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này; dự án phát triển chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 38 của Luật này;

n) Dự án đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp trên địa bàn Thành phố theo hướng hiện đại, dùng chung, liên thông, kết nối; dự án đầu tư phát triển dịch vụ giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, dịch vụ pháp lý chất lượng cao, có năng lực hội nhập;

o) Dự án thuộc Danh mục ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 của Luật này;

p) Dự án khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định, ban hành phù hợp với chiến lược và tình hình phát triển của Thành phố.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h, k, l, m, n khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố nhưng không vượt quá mức, thời gian miễn, giảm cao nhất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được giảm 50% tiền thuê mặt bằng sản xuất, kinh doanh tại các trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố;

b) Thu nhập từ thực hiện dự án được áp dụng mức thuế suất quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và được áp dụng mức miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào dự án quy định tại điểm d, e, g, l khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ các hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

b) Hỗ trợ lãi suất vay vốn từ ngân sách cấp Thành phố trong 07 năm đầu theo

quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

c) Tiền ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và tiền khuyến khích, động viên cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy được tính là chi phí hợp pháp của doanh nghiệp khi hạch toán.

Tiền ủng hộ, tài trợ của các cá nhân cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và tiền khuyến khích, động viên cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với cá nhân cư trú tại Thành phố.

4. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng dự án bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe cao tầng, trạm sạc điện dùng chung phục vụ phương tiện giao thông được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Miễn tiền thuê đất, tiền sử dụng không gian ngầm trong toàn bộ thời hạn thực hiện dự án;

b) Hỗ trợ 100% tiền thuế nhập khẩu phải nộp đối với các thiết bị, dây chuyền phục vụ trực tiếp cho dự án xây dựng bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe cao tầng sử dụng công nghệ cao;

c) Được phép sử dụng tối đa 25% tổng diện tích sàn xây dựng của dự án theo quy hoạch để đầu tư, khai thác dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động trông, giữ xe;

d) Hỗ trợ lãi suất vay vốn từ ngân sách cấp Thành phố theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

đ) Miễn tiền thuê đất và tiền thuê quyền khai thác tài sản công đối với diện tích đất do Nhà nước quản lý, đất đường bộ để đầu tư trạm sạc điện phục vụ phương tiện giao thông trong thời hạn 05 năm.

5. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập phải nộp đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát sinh trên địa bàn Thành phố;

b) Miễn một số tiêu chí đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu khi tham gia đấu thầu các gói thầu của Thành phố, bao gồm yêu cầu về doanh thu, nguồn lực tài chính, hợp đồng tương tự và các yêu cầu khác để phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Khi đánh giá, xếp hạng hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động trên địa bàn Thành phố được tính ưu đãi như đối với trường hợp nhà thầu cung cấp hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên theo quy định của pháp luật về đấu thầu; cách tính ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo được miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh khi làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố.

7. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo khả năng ngân sách của Thành phố.

Mục 7

LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG

Điều 38. Mục tiêu, nguyên tắc liên kết phát triển vùng

1. Thành phố là hạt nhân, đô thị trung tâm trong vùng Đô thị đặc biệt, thực hiện liên kết phát triển vùng Đô thị đặc biệt với các địa phương trong vùng kinh tế - xã hội có liên quan, phù hợp với vai trò là trung tâm, cực tăng trưởng của vùng.

2. Nhà nước ưu tiên nguồn lực để thúc đẩy liên kết, phát triển giữa Thành phố với các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt.

3. Việc liên kết phát triển vùng Đô thị đặc biệt phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

- a) Đồng thuận, công khai, minh bạch;
- b) Thực hiện phối hợp, liên kết phát triển thông qua chương trình, kế hoạch, dự án liên kết phát triển vùng Đô thị đặc biệt;
- c) Bảo đảm thống nhất trong tổ chức không gian phát triển, đầu tư hạ tầng kỹ thuật chung và thực hiện liên kết giữa Thành phố và các địa phương trong vùng đô thị đặc biệt; phù hợp với Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch tổng thể Thành phố, quy hoạch tỉnh.

4. Việc quy hoạch, đầu tư phát triển các dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt, dự án liên kết, phát triển với các địa phương trong vùng kinh tế - xã hội có liên quan phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Liên kết, thống nhất tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng giao thông, hạ tầng chung của các địa phương;
- b) Phối hợp khai thác tài nguyên khoáng sản; quản lý môi trường, nguồn nước;

xử lý ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước; ứng phó với biến đổi khí hậu; kiểm soát bệnh tật;

c) Phát triển chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, logistics, khoa học và công nghệ, giáo dục đào tạo, y tế, lao động, văn hóa, du lịch.

Điều 39. Đầu tư, quản lý dự án liên kết phát triển vùng

1. Việc đề xuất, thực hiện dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố, các địa phương có liên quan báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, đồng thuận về việc thực hiện dự án;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố cùng với các địa phương tham gia dự án thống nhất lựa chọn một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án.

2. Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương bố trí để triển khai thực hiện dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định sau đây:

a) Ngân sách trung ương ưu tiên bố trí vốn cho dự án;

b) Ưu tiên bố trí từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương để bảo đảm đầu tư dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt trước các chương trình, nhiệm vụ, dự án khác;

c) Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục dự án được hỗ trợ từ ngân sách trung ương quy định tại Điều này theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Các địa phương tham gia thực hiện dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt có các quyền sau đây:

a) Được áp dụng quy định của Luật Phát triển đô thị và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị để lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của địa phương đó sau khi thống nhất với Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Được sử dụng ngân sách để đầu tư trực tiếp vào dự án liên kết, phát triển vùng Đô thị đặc biệt trên địa bàn địa phương khác trong vùng Đô thị đặc biệt nhằm giải quyết các vấn đề về hạ tầng giao thông, môi trường, cấp nước sạch, thoát nước và công trình khác để phục vụ lợi ích chung;

c) Được hưởng ưu đãi, đầu tư theo khoản 3 Điều 37 của Luật này đối với dự án về lĩnh vực môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, dự án an toàn thực phẩm có tính chất vùng.

4. Quỹ Phát triển vùng Đô thị đặc biệt được thành lập và hoạt động như sau:

a) Quỹ Phát triển vùng Đô thị đặc biệt là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Hội đồng nhân dân Thành phố thành lập trên cơ sở thống nhất với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt;

b) Nguồn tài chính của Quỹ hình thành từ ngân sách Trung ương, ngân sách của địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt, các nguồn hỗ trợ, tài trợ và nguồn hợp pháp khác;

c) Quỹ được sử dụng để đầu tư các dự án liên kết phát triển vùng Đô thị đặc biệt, ưu tiên các dự án về giao thông, hạ tầng quan trọng, dự án xử lý ô nhiễm môi trường, khai thác khoáng sản; xử lý sự cố, thiên tai, kiểm soát bệnh tật có tính chất vùng;

d) Quy chế hoạt động của Quỹ do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trên cơ sở thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt.

5. Các địa phương có hoạt động liên kết phát triển vùng với Đô thị đặc biệt có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Thành phố trong xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án liên kết phát triển vùng;

b) Cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện dự án trên địa bàn; bố trí kinh phí để quản lý, bảo trì, sửa chữa, vận hành đối với công trình hạ tầng trên phạm vi địa bàn tại địa phương mình;

c) Chia sẻ chi phí môi trường, bao gồm chi phí kiểm soát, giảm thiểu và khắc phục ô nhiễm môi trường có liên quan;

d) Cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ liên kết phát triển vùng và phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh;

đ) Phối hợp giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về liên kết phát triển vùng.

Điều 40. Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đô thị đặc biệt

1. Việc phối hợp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vùng Đô thị đặc biệt đối với các vấn đề liên tỉnh, bao gồm quản lý và cải thiện chất lượng không khí; quản lý nguồn nước, nước thải theo lưu vực sông và hệ thống thoát nước; quản lý chất thải rắn theo chuỗi phát sinh - thu gom - vận chuyển - xử lý; quản lý phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ủy ban nhân dân Thành phố giữ vai trò điều phối trong cơ chế phối hợp vùng Đô thị đặc biệt về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên cơ sở bảo đảm hài

hòa lợi ích, chia sẻ trách nhiệm và tuân thủ pháp luật.

2. Cơ chế phối hợp vùng Đô thị đặc biệt trong bảo vệ môi trường bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Chia sẻ, kết nối và sử dụng chung dữ liệu môi trường, nguồn thải và nguồn phát thải;
- b) Thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát ô nhiễm môi trường liên vùng;
- c) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch môi trường vùng, phù hợp với từng thành phần môi trường;
- d) Quản lý chất lượng nước, chất lượng môi trường không khí; quản lý chất thải rắn và nước thải; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu; kiểm soát ô nhiễm và ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường;
- đ) Huy động, phân bổ và sử dụng chung nguồn lực cho các nhiệm vụ, đề án, dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu liên tỉnh.

3. Trên cơ sở thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt, Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng cơ chế điều phối, nội dung phối hợp, trách nhiệm của các bên liên quan và cơ chế giám sát việc thực hiện phối hợp vùng trong quản lý môi trường.

4. Trên cơ sở thống nhất về nội dung giữa các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt, Thành phố và các địa phương khác trong vùng Đô thị đặc biệt quy định biện pháp bảo vệ môi trường nghiêm ngặt hơn so với quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được thực hiện như sau:

- a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định đối tượng, mức lưu lượng xả nước thải, bụi, khí thải công nghiệp phải áp dụng biện pháp quan trắc tự động, liên tục; mức phí bảo vệ môi trường cao hơn áp dụng với nước thải, bụi, khí thải công nghiệp;
- b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải và lộ trình áp dụng.

Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương khác trong vùng Đô thị đặc biệt quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Chương III

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ ĐẶC BIỆT

Mục 1

CÔNG NHẬN, TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN TẠI KHU KINH TẾ ĐẶC BIỆT

Điều 41. Công nhận khu kinh tế đặc biệt

Phương án 1:

Khu kinh tế đặc biệt được công nhận khi đáp ứng các tiêu chí sau đây:

1. Là khu kinh tế ven biển đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập;
2. Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước;
3. Có quy mô dân số từ 50.000 người trở lên;
4. Là khu vực có không gian tương đối độc lập, dễ kiểm soát với quy mô diện tích từ 500 km² trở lên;
5. Có cảng hàng không quốc tế hoặc cảng biển loại I trở lên;
6. Được cấp có thẩm quyền xác định là địa bàn có vị trí chiến lược được phát triển thành cực tăng trưởng.

Phương án 2: Giao Chính phủ quy định tiêu chí.

Điều 42. Chính quyền địa phương ở khu kinh tế đặc biệt

1. Tại khu kinh tế đặc biệt không tổ chức cấp chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt là cơ quan hành chính nhà nước, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, thực hiện vai trò của chính quyền địa phương tại khu kinh tế đặc biệt.
2. Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này do Chính phủ quy định phù hợp với các nguyên tắc của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và tại Luật này.
3. Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt thực hiện thẩm quyền về ngân sách nhà nước như đối với ngân sách cấp xã theo pháp luật về ngân sách nhà nước.
4. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo thẩm quyền: số lượng, cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt; số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt nhiều hơn quy định; số lượng, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên, điều chỉnh chức năng của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của khu kinh tế đặc biệt phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, hải đảo, khu kinh tế, quy mô dân số, yêu cầu cung ứng dịch vụ công và khả năng cân đối ngân sách địa phương.
5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt quyết định tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý; đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng người làm việc để đáp ứng yêu cầu quản trị khu kinh tế đặc biệt.
6. Công tác quản lý nhà nước về kiểm tra, giám sát hải quan tại Khu kinh tế

đặc biệt được thực hiện bởi một đơn vị hải quan do Hải quan khu vực quản lý địa bàn khu kinh tế đặc biệt chỉ định. Trường hợp cần thiết, Cục Hải quan thành lập mới đơn vị hải quan để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại khu kinh tế đặc biệt.

7. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này. Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt có nhiệm vụ, quyền hạn về thử nghiệm có kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật này.

Việc thử nghiệm có kiểm soát phải bảo đảm yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật này.

Mục 2

QUY HOẠCH, XÂY DỰNG TẠI KHU KINH TẾ ĐẶC BIỆT

Điều 43. Quy hoạch khu kinh tế đặc biệt

1. Quy hoạch khu kinh tế đặc biệt gồm các cấp độ quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết; việc lập, điều chỉnh, thẩm định quy hoạch khu kinh tế đặc biệt được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, trừ các nội dung được quy định tại Luật này. Quy hoạch chung được lập đối với toàn bộ phạm vi của khu kinh tế đặc biệt nhằm cụ thể hóa các nội dung quy hoạch cấp quốc gia hoặc quy hoạch vùng hoặc quy hoạch tỉnh; quy hoạch chi tiết được lập đối với từng khu vực trong khu kinh tế đặc biệt nhằm cụ thể hóa các nội dung của quy hoạch chung.

Quy hoạch khu kinh tế đặc biệt được phê duyệt là căn cứ để xem xét sự phù hợp của dự án đầu tư trong khu kinh tế đặc biệt.

2. Quy hoạch khu kinh tế đặc biệt được điều chỉnh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. Đối với trường hợp điều chỉnh để phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, yêu cầu về quốc phòng, an ninh hoặc khi có biến động lớn về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội thì việc tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch được thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt phê duyệt quy hoạch, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khu kinh tế đặc biệt sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh về tài chính, xây dựng, nông nghiệp và môi trường.

4. Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt quyết định danh mục quy hoạch trong khu kinh tế đặc biệt được tổ chức lập đồng thời các cấp độ quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết. Trường hợp quy hoạch chung đã hoàn thành việc lập, đang trong quá trình thẩm định và quy hoạch chi tiết đã được lập, thẩm định xong trước thì được phê duyệt trước quy hoạch chung nhưng phải bảo đảm sự phù hợp, thống nhất về nội dung giữa các cấp độ quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt được quyết định giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện việc lập, điều chỉnh quy hoạch.

6. Quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết trong khu kinh tế đặc biệt không phải thực hiện trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về nguồn vốn, định mức, đơn giá và hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt dự toán đối với việc lập, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt, công bố công khai quy hoạch khu kinh tế đặc biệt.

Điều 44. Bảo đảm trật tự, an toàn khu kinh tế đặc biệt

1. Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt quy định việc ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh để bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt quyết định việc ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước và việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật này.

4. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định biện pháp đặc thù khác về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, biện pháp hành chính cấp bách phù hợp với yêu cầu bảo vệ khu kinh tế đặc biệt, bảo đảm hiệu lực quản lý đô thị, hài hòa giữa yêu cầu giữ vững an ninh, trật tự xã hội với bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Mục 3

NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ ĐẶC BIỆT

Điều 45. Quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách

1. Nhà nước ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư cho các dự án trọng điểm về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt.

2. Về cải cách tiền lương và an sinh xã hội

Các địa phương thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định của pháp luật.

a) Trường hợp nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành trong thời gian thực hiện Luật tại khu kinh tế đặc biệt còn dư thì Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi:

a1) Thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, đảng, đoàn thể do Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt quản lý theo hiệu quả công việc.

a2) Sau khi chi thu nhập bình quân tăng thêm tại điểm a1 khoản này, trường hợp nguồn cải cách tiền lương vẫn còn dư thì được chi đầu tư cho các dự án kết cấu hạ tầng, nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê và nhà ở lưu trú tại khu kinh tế đặc biệt.

b) Trường hợp nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành trong thời gian thực hiện Luật tại khu kinh tế đặc biệt không đủ thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp tỉnh sau khi ngân sách cấp tỉnh bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành trong thời gian thực hiện Luật để chi cho các trường hợp quy định tại tiêu điểm a1 không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo, tiêu điểm a2 điểm a khoản này.

3. Cơ chế thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon như sau:

a) Tín chỉ các-bon hình thành từ các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon thực hiện từ nguồn vốn ngân sách của khu kinh tế đặc biệt được giao dịch với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Cơ quan có thẩm quyền tại khu kinh tế đặc biệt có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xin ý kiến các bộ, ngành có liên quan, tham khảo các địa phương đã thực hiện nội dung thí điểm này, xác định tỷ lệ đóng góp về lượng giảm phát thải, hấp thụ khí nhà kính trên địa bàn cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia theo quy định của pháp luật trước khi giao dịch tín chỉ các-bon.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành trình tự, thủ tục và quyết định việc lựa chọn nhà đầu tư quy định tại điểm a khoản này. Nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon áp dụng trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt là nguồn thu ngân sách tỉnh được hưởng 100% và không dùng để xác định số bổ sung cân đối giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định sử dụng nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt để đầu tư các chương trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt.

Điều 46. Thu hút đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược gồm:

a) Xây dựng và kinh doanh du lịch đường thủy nội địa, trung tâm logistics, khu phi thuế quan, khu công nghệ cao có quy mô vốn đầu tư từ 1.000 tỷ đồng trở

lên;

b) Đầu tư xây dựng trung tâm sinh thái biển, nuôi biển công nghệ cao, công viên biển có quy mô vốn đầu tư từ 1.500 tỷ đồng trở lên;

c) Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay, bến cảng; dịch vụ cảng biển, khai thác và vận hành du thuyền; công trình giao thông nối các tuyến đảo, khu thương mại tự do, khu công nghiệp có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên;

d) Đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp, khu vui chơi giải trí tổng hợp và khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp có quy mô vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên. Trường hợp đầu tư và kinh doanh khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp có mục tiêu kinh doanh casino thì quy mô vốn đầu tư từ 2 tỷ đô trở lên;

đ) Đầu tư dự án trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng sạch, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác, trung tâm dự trữ quốc gia về năng lượng, nhiên liệu, khoáng sản chiến lược, trung tâm nghiên cứu dược phẩm có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên;

e) Đầu tư cơ sở y tế chất lượng cao, cơ sở giáo dục chất lượng cao có quy mô vốn đầu tư từ 1.000 tỷ đồng trở lên;

g) Đầu tư xây dựng và kinh doanh dịch vụ cung cấp nhiên liệu hàng không (bao gồm nhiên liệu sạch), bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và các dịch vụ kỹ thuật hàng không liên quan, có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

h) Dự án đầu tư đóng mới, sửa chữa tàu biển, công nghiệp phụ trợ đóng tàu, xây dựng cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu du lịch, (cruise), du thuyền có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

2. Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Nhà đầu tư chiến lược phải đảm bảo khả năng huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư và phải đáp ứng điều kiện sau:

a) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 20% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư đến dưới 10.000 tỷ đồng;

b) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 15% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến 100.000 tỷ đồng;

c) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 10% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 100.000 tỷ đồng trở lên;

d) Trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư tham gia đầu tư cùng một dự án thì tổng vốn chủ sở hữu góp vào dự án của các nhà đầu tư phải đáp ứng yêu cầu về vốn

chủ sở hữu theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này, trong đó phải có ít nhất 01 nhà đầu tư góp tối thiểu là 30% và các nhà đầu tư còn lại phải góp tối thiểu là 15%. Trường hợp dự án gồm nhiều dự án thành phần hoặc gồm nhiều phân kỳ đầu tư thì vốn chủ sở hữu tối thiểu góp vào dự án được xác định theo từng dự án thành phần hoặc theo phân kỳ đầu tư nhưng không được thấp hơn 30% tổng số vốn chủ sở hữu tối thiểu góp vào dự án của dự án trừ dự án nhà ở thương mại.

đ) Có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế đặc biệt được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm các dự án đầu tư mới.

b) Thu nhập từ các dự án đầu tư mới thuộc các ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều này được kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp không quá 5 năm so với quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc, điều kiện, căn cứ xác định thời gian áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật thuế về thuế thu nhập doanh nghiệp.

6. Nhà đầu tư thực hiện dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino được tính thêm phần vốn đã giải ngân vào các dự án là đô thị, dịch vụ, du lịch, vui chơi giải trí, các dự án là cơ sở hạ tầng tại khu kinh tế đặc biệt khi xem xét điều kiện giải ngân tối thiểu 50% tổng mức đầu tư của dự án để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino. Thời hạn hoạt động kinh doanh casino thực hiện theo thời hạn hoạt động của dự án trừ trường hợp ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

Doanh nghiệp đã có chủ trương đầu tư kinh doanh casino phải cam kết không chuyển nhượng phần vốn góp tại doanh nghiệp thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng và doanh nghiệp thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng phải cam kết không chuyển nhượng dự án cơ sở hạ tầng cho đến khi dự án khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp có mục tiêu kinh doanh casino đã hoàn thành giải ngân tối thiểu 50% tổng mức đầu tư. Số vốn đầu tư đã giải ngân thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng chỉ được tính không quá 25% tổng vốn đầu tư của dự án casino (không vượt quá 500 triệu đô la Mỹ) khi xác định thời điểm được phép kinh doanh casino.

7. Doanh nghiệp hoạt động trong khu kinh tế đặc biệt được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và các quy định về thời hạn đối với các điều kiện có quy định về thời hạn để được áp dụng chế độ ưu tiên.

Trưởng Hải quan khu vực quản lý địa bàn khu kinh tế đặc biệt được công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong khu kinh tế đặc biệt.

8. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định:

a) Tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 3 Điều này trừ trường hợp đầu tư và kinh doanh khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp có mục tiêu kinh doanh casino.

b) Trường hợp nhà đầu tư chiến lược không được hưởng ưu đãi do không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược và không thực hiện đúng cam kết với chính quyền khu kinh tế đặc biệt; trách nhiệm bồi hoàn các khoản ưu đãi đã nhận.

Điều 47. Nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược

Nhà đầu tư chiến lược có các nghĩa vụ sau:

1. Dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 10.000 tỷ đồng phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bàn giao đất, bàn giao khu vực biển trên thực địa.

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến 100.000 tỷ đồng phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 10 năm kể từ ngày bàn giao đất, bàn giao khu vực biển trên thực địa.

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 100.000 tỷ đồng trở lên phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định kể từ ngày bàn giao đất, bàn giao khu vực biển trên thực địa nhưng tối đa không quá 15 năm.

Trong thời gian quy định tại khoản này, nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng dự án hoặc chuyển nhượng vốn góp, cổ phần trong tổ chức được thành lập để thực hiện dự án.

2. Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ (nếu có).

3. Ứng kinh phí cho Nhà nước để thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền quyết định khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì mục đích quốc gia,

công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai và theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Luật này, và được ngân sách nhà nước hoàn trả bằng hình thức khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp đối với những trường hợp được giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Số tiền được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; số tiền còn lại (nếu có) được tính vào chi phí đầu tư của dự án.

4. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi quy định tại Luật này, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc nguyên nhân không xuất phát từ nhà đầu tư. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Về quản lý đầu tư tại khu kinh tế đặc biệt

1. Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt quyết định trên địa bàn các nội dung:

a) Quyết định việc thi tuyển hoặc không thi tuyển phương án kiến trúc đối với các công trình, hạng mục công trình thuộc đối tượng phải thi tuyển kiến trúc theo quy định của Luật Kiến trúc;

b) Quy định danh mục vật liệu xây dựng mới, vật liệu tái chế, vật liệu xanh, vật liệu nhẹ, vật liệu thông minh, vật liệu thân thiện môi trường, vật liệu phù hợp vùng ven biển được ưu tiên áp dụng; quy định tỷ lệ, lộ trình sử dụng phù hợp với tính chất công trình, điều kiện thực tiễn của khu kinh tế đặc biệt; quyết định việc ưu tiên giải pháp thiết kế hạn chế sử dụng vật liệu truyền thống, giảm phát thải, tiết kiệm tài nguyên.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi sử dụng vốn ngân sách nhà nước của khu kinh tế đặc biệt hoặc các khoản hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác cho khu kinh tế đặc biệt.

4. Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt được thực hiện:

a) Cấp, cấp điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và thực hiện các thẩm quyền khác của cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định đối với dự án trong khu kinh tế đặc biệt.

b) Cấp, cấp điều chỉnh, thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đối với các dự án thực hiện trong khu kinh tế đặc biệt; trình tự, thủ tục thực

hiện như đối với dự án thuộc thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đảm bảo tính tự chủ và hậu kiểm minh bạch.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết khoản này.

5. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 49. Quản lý, sử dụng tài nguyên, môi trường

1. Các trường hợp thu hồi đất trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt:

a) Các trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối với các dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược, các dự án cần triển khai ngay theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy Chính phủ và Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh, Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt quyết định việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, không gây thất thoát, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh, thành phố đã được phân bổ cho khu kinh tế đặc biệt.

3. Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt có thẩm quyền:

a) Được giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án có sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà ở lưu trú.

b) Quyết định trường hợp áp dụng Bảng giá đất; Bảng giá đất và hệ số điều chỉnh hoặc xác định giá đất cụ thể cho một số trường hợp để phù hợp với điều kiện thực tiễn của Khu kinh tế đặc biệt.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt được thực hiện:

a) Tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án theo trình tự, thủ tục tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường, tiếp nhận

đăng ký môi trường đối với các dự án dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt.

b) Cấp, cấp điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt; trình tự, thủ tục, thời hạn thẩm định, phí thẩm định cấp, cấp điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường áp dụng như trình tự, thủ tục, thời hạn thẩm định, phí thẩm định cấp, cấp điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường được xác định theo trình tự, thủ tục, thời hạn thẩm định, phí thẩm định như đối với dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại khoản này.

Điều 50. Thu hút và phát triển nguồn nhân lực

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

a) Sử dụng ngân sách tỉnh, thành phố, khu kinh tế đặc biệt để đầu tư xây dựng nhà ở, nhà cho thuê cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, nhà quản lý, lao động có trình độ cao, người lao động có hợp đồng lao động làm việc trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt để thuê, mua.

b) Khám sức khỏe miễn phí tại các bệnh viện, cơ sở y tế công lập thuộc quản lý của tỉnh, thành phố đối với các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, nhà quản lý, lao động có trình độ cao làm việc trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt và thành viên gia đình (bao gồm cha, mẹ đẻ; cha, mẹ của vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi) khi có nhu cầu.

c) Việc lựa chọn cơ sở giáo dục; miễn toàn bộ học phí giá dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo có liên quan đối với con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi của các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, nhà quản lý, lao động có trình độ cao làm việc trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt khi theo học tại các cơ sở giáo dục công lập của tỉnh, thành phố.

d) Chính sách về thu nhập, tiền lương, tiền thưởng và chế độ đãi ngộ khác phù hợp với khả năng cân đối nguồn ngân sách tỉnh, thành phố.

2. Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt được cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động và xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động và các thủ tục cần thiết khác đối với người lao động nước ngoài làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp, dự án hoặc tham gia triển khai, vận hành, quản lý các dự án đầu tư tại khu kinh tế đặc biệt; cho phép thực hiện đồng thời các trình tự, thủ tục liên quan. Hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn không yêu cầu thông báo tuyển dụng để xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

3. Giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

a) Quy định đối tượng, tiêu chí, mức thu nhập, hỗ trợ chi phí thuê, mua nhà ở, chi phí lưu trú cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng làm việc trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt;

b) Quy định trình tự, thủ tục, phương thức hỗ trợ để thực hiện chính sách quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 4

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN

Điều 51. Phát triển kinh tế biển thuộc phạm vi khu kinh tế đặc biệt

1. Việc giao khu vực biển, cấp phép nuôi trồng thủy sản khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu kinh tế đặc biệt được thực hiện như sau:

a) Sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến và được sự chấp thuận của Bộ Quốc phòng thì Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho nhà đầu tư trong nước trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý.

b) Miễn tiền sử dụng khu vực biển trong 15 năm và giảm 50% tiền sử dụng khu vực biển cho thời gian còn lại đối với diện tích khu vực biển được giao để thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản trên biển của tổ chức, cá nhân là nhà đầu tư trong nước có hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển trong 06 hải lý, ngoài 06 hải lý, khu vực nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý.

Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức là nhà đầu tư trong nước từ dự án nuôi trồng thủy sản trên biển trong 06 hải lý, ngoài 06 hải lý, khu vực nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý;

c) Trong khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển, hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển;

d) Thời gian bắt đầu hưởng ưu đãi, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế, thu nhập được hưởng ưu đãi quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tổ chức, cá nhân không được hưởng ưu đãi quy định tại điểm b và điểm c khoản này trong trường hợp vi phạm các quy định về giao khu

vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt được xác định và công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm; đường ranh giới ngoài vùng biển 03 hải lý và vùng biển 06 hải lý của các đảo thuộc phạm vi quản lý trừ đảo có diện tích lớn nhất.

3. Ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù khác để thúc đẩy, phát triển kinh tế biển.

Điều 52. Phát triển các đảo đất, đá nhỏ biệt lập

1. Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt được quyết định, điều chỉnh, bổ sung các khu vực, diện tích mặt biển gắn với các đảo đất, đá nhỏ biệt lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố để giao cho nhà đầu tư thực hiện các dự án du lịch dịch vụ gắn với nuôi biển, nghỉ dưỡng, sinh thái biển; công viên sinh thái biển; nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn sinh thái biển; vui chơi giải trí, văn hoá, thể thao biển, dịch vụ du lịch khám phá, trải nghiệm biển; năng lượng tái tạo.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục phát triển các đảo đất, đá nhỏ biệt lập quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 5

KHU PHI THUẾ QUAN VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ TRONG KHU KINH TẾ ĐẶC BIỆT

Điều 53. Thẩm quyền và điều kiện thành lập khu phi thuế quan trong khu kinh tế đặc biệt

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính thành lập khu phi thuế quan trong khu kinh tế đặc biệt theo quy định của pháp luật trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt.

2. Khu phi thuế quan trong khu kinh tế đặc biệt phải có hàng rào cứng, có cổng ra, vào và phải đảm bảo điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 54. Các cơ chế, chính sách đối với khu phi thuế quan trong khu kinh tế đặc biệt

1. Cơ chế, chính sách đối với khu phi thuế quan trong khu kinh tế đặc biệt thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 20 của Luật này.

2. Về hoạt động đầu tư, kinh doanh khác trong khu phi thuế quan

a) Nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện hoạt động kinh doanh chuyển khẩu

hàng hóa. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu được thực hiện theo pháp luật về quản lý ngoại thương.

b) Các doanh nghiệp có trụ sở chính và có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Khu phi thuế quan được niêm yết, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ và thanh toán, nhận thanh toán với nhau bằng ngoại tệ chuyển khoản từ việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ trong khu phi thuế quan;

c) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở phòng giao dịch trong khu phi thuế quan ngoài trụ sở chi nhánh theo trình tự, thủ tục do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

Điều 55. Thành lập và kinh doanh cửa hàng miễn thuế

1. Việc thành lập và kinh doanh cửa hàng miễn thuế trong khu kinh tế đặc biệt được thành lập theo quy định của pháp luật về kinh doanh cửa hàng miễn thuế.

2. Người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong khu kinh tế đặc biệt không hạn chế về số lượng và trị giá. Hàng hóa miễn thuế được nhận tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại cửa khẩu quốc tế nơi hành khách xuất cảnh;

3. Người nước ngoài khi nhập cảnh vào Việt Nam có đăng ký lưu trú trong khu kinh tế đặc biệt thì được mua hàng miễn thuế trong cửa hàng miễn thuế trong khu kinh tế đặc biệt để sử dụng trong thời gian lưu trú.

Trường hợp thời gian lưu trú từ 10 ngày trở lên thì được mua hàng miễn thuế 01 lần định mức theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Định mức mua hàng miễn thuế trong khu kinh tế đặc biệt đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này do Chính phủ quy định.

5. Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế chịu trách nhiệm bán hàng hóa đúng đối tượng, mục đích sử dụng, định mức theo quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Mục 6

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT KHÁC

Điều 56. Cấp thị thực và cư trú

1. Cấp thị thực (thời hạn không quá 05 năm), cấp thẻ tạm trú (thời hạn không quá 10 năm) cho người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc tại tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở chính tại khu kinh tế đặc biệt (ký hiệu thị thực, thẻ tạm trú UD1) và vợ, chồng, con dưới 18 tuổi (ký hiệu thị thực, thẻ tạm trú UD2).

Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thực tế của khu kinh tế đặc biệt, sau khi có ý kiến của Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan, Ủy ban

nhân dân tỉnh ban hành quy định tiêu chí đối với người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao quy định tại khoản này.

2. Chế độ cấp thị thực và thị thực điện tử:

a) Người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế đặc biệt với mục đích du lịch (ký hiệu thẻ thị thực, thẻ tạm trú DL), dự hội nghị, hội thảo (ký hiệu thẻ thị thực, thẻ tạm trú HN) và khảo sát thị trường, thăm người thân, chữa bệnh (ký hiệu thẻ thị thực, thẻ tạm trú SQ) được cấp thị thực với thời hạn tạm trú tối đa 180 ngày.

b) Mở rộng đối tượng cấp thị thực điện tử cho công dân tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ có nhu cầu nhập cảnh vào khu kinh tế đặc biệt. Người nước ngoài có thẻ trực tiếp đề nghị cấp thị thực điện tử qua cổng thông tin của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh hoặc thông qua sự bảo lãnh của doanh nghiệp có trụ sở tại khu kinh tế đặc biệt. Đối với trường hợp chưa thuộc danh sách các quốc gia được cấp thị thực điện tử, cho phép áp dụng cơ chế cấp thị thực điện tử theo lộ trình, bao gồm cấp thị thực điện tử có thời hạn 60 ngày và được gia hạn tối đa 02 lần, mỗi lần 60 ngày, bảo đảm tổng thời gian lưu trú không vượt quá 180 ngày; thí điểm cơ chế gia hạn thị thực điện tử đối với khách du lịch đang lưu trú hợp pháp tại Phú Quốc.

Điều 57. Hoạt động casino tại khu kinh tế đặc biệt

1. Cơ sở kinh doanh casino được quảng cáo trong phạm vi địa điểm thực hiện dự án đầu tư có casino quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; trong chương trình giải trí được chiếu bằng các thiết bị điện tử trên các chuyến bay quốc tế; quảng cáo tại khu cách ly sân bay quốc tế và cảng biển quốc tế; đồng thời phải có những khuyến cáo đối với những đối tượng không được phép chơi tại các điểm kinh doanh casino.

2. Người mang hộ chiếu nước ngoài có giấy thông hành hợp lệ và nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam được chơi casino tại cơ sở kinh doanh casino tại khu kinh tế đặc biệt.

Điều 58. Kinh doanh bất động sản

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện sở hữu nhà ở tại Việt Nam theo pháp luật về nhà ở có quyền sở hữu căn hộ khách sạn (condotel), biệt thự nghỉ dưỡng (resort villa), văn phòng làm việc kết hợp lưu trú (officetel), nhà phố thương mại nghỉ dưỡng và các loại hình tương tự khác thông qua các hình thức mua, thuê mua, nhận cho, nhận thừa kế và có quyền sở hữu công trình xây dựng trong các dự án đầu tư xây dựng bất động sản tại khu kinh tế đặc biệt với thời hạn tối đa không quá 70 năm để sử dụng theo đúng công năng của công trình xây dựng trừ các khu ven biển nhạy cảm, khu vực bảo đảm quốc phòng an ninh theo quy hoạch.

2. Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư và người sở hữu căn hộ khách sạn, biệt thự nghỉ dưỡng, văn phòng làm việc kết hợp lưu trú và các loại hình tương tự khác được xác định theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản, nhà ở, đất đai.

Nhà đầu tư căn hộ khách sạn, biệt thự nghỉ dưỡng, văn phòng làm việc kết hợp lưu trú và các loại hình tương tự khác được chuyển nhượng dự án và tài sản trên đất cho tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản, nhà ở.

3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc đối tượng và đủ điều kiện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam theo pháp luật về nhà ở chỉ được mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu không quá 50% số lượng căn hộ trong một tòa nhà chung cư nhưng mỗi quốc tịch sở hữu không quá 30% số lượng căn hộ trong một tòa nhà chung cư, nếu là nhà ở riêng lẻ bao gồm nhà biệt thự, nhà ở liền kề thì trên một khu vực có quy mô về dân số tương đương một phường chỉ được mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu không quá 50% căn nhà nhưng mỗi quốc tịch sở hữu không quá 30% căn nhà.

Điều 59. Về hỗ trợ vận tải hàng không

1. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ giá dịch vụ cất, hạ cánh máy bay, dịch vụ cho thuê sân đậu máy bay và chi phí liên quan cho các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không đi và đến khu kinh tế đặc biệt trong thời gian 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành hoặc kể từ ngày cảng hàng không bắt đầu đi vào hoạt động.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định đối tượng và mức phí hỗ trợ cụ thể quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV

GIÁM SÁT, KIỂM TRA VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Mục 1

GIÁM SÁT, KIỂM TRA VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH ĐỐI VỚI ĐÔ THỊ ĐẶC BIỆT

Điều 60. Trách nhiệm của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội

1. Quốc hội xem xét báo cáo về việc thi hành Luật Phát triển đô thị theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm:

a) Giám sát việc thi hành Luật Phát triển đô thị;

b) Căn cứ quy định của pháp luật hoặc để bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc

phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, quyết định bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản do Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành theo quy định của Luật này;

c) Xem xét báo cáo của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc thi hành Luật Phát triển đô thị.

3. Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù và việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền Thành phố theo quy định của Luật này; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vấn đề trong quá trình thi hành Luật.

4. Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- a) Giám sát việc thi hành Luật Phát triển đô thị tại địa phương;
- b) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thi hành Luật;
- c) Tham gia hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển Thành phố, vùng Đô thị đặc biệt.

Điều 61. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Chính phủ có trách nhiệm:

- a) Tổ chức theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thi hành Luật Phát triển đô thị; bảo đảm việc phân quyền, phân cấp trong Luật này được thực hiện thống nhất, đúng pháp luật, hiệu quả;
- b) Chỉ đạo theo dõi, đánh giá, kiểm soát rủi ro đối với việc thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù của Thành phố.

2. Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm:

- a) Chỉ đạo việc phối hợp liên ngành, xử lý các vấn đề liên vùng, liên ngành phát sinh trong quá trình thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù của Thành phố;
- b) Căn cứ quy định của pháp luật hoặc đề bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, đình chỉ việc thi hành toàn bộ hoặc một phần văn bản do Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành theo quy định của Luật này, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo quy định của Luật này.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm:

- a) Thực hiện quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực đối với các hoạt động trên

địa bàn Thành phố theo quy định và phù hợp với các quy định phân quyền, phân cấp cho chính quyền Thành phố;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân Thành phố, các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện, đánh giá các cơ chế, chính sách đặc thù;

c) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền việc thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách đặc thù tại Thành phố;

d) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ văn bản theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 62. Trách nhiệm của chính quyền, cơ quan, tổ chức của Thành phố

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Kịp thời tổ chức và bảo đảm việc thi hành pháp luật về Thành phố; bảo đảm nguồn lực thực hiện các cơ chế, chính sách quy định tại Luật này;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật Phát triển đô thị thuộc phạm vi quản lý và chịu trách nhiệm về những vi phạm, yếu kém xảy ra trong công tác xây dựng, phát triển và bảo vệ Thành phố;

c) Công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình về sử dụng quỹ đất, thực hiện dự án đầu tư, thủ tục hành chính và các nội dung khác theo quy định của pháp luật để Nhân dân được biết, tham gia ý kiến, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật này;

d) Không thực hiện phân cấp, ủy quyền các thẩm quyền được quy định tại Luật này, trừ các thẩm quyền quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 24 của Luật này.

Đối với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì việc phân cấp, ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Giám sát việc thi hành Luật Phát triển đô thị;

b) Định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thi hành Luật Phát triển đô thị.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn

sau đây:

a) Bảo đảm an toàn, thuận lợi cho hoạt động của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và cho việc tổ chức các chương trình, sự kiện quốc gia, quốc tế trên địa bàn Thành phố; phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan trung ương, các hoạt động đối nội, đối ngoại quan trọng của Đảng và Nhà nước;

b) Chủ động phối hợp và hỗ trợ các địa phương trong vùng Đô thị đặc biệt và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển;

c) Tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia có hiệu quả vào quá trình xây dựng, phát triển và bảo vệ Thành phố;

d) Đề xuất việc áp dụng quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương, bao gồm cả văn bản quy định cơ chế, chính sách áp dụng cho các đối tượng, địa phương khác, ban hành sau ngày Luật Phát triển đô thị, văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn quy định tại Luật Phát triển đô thị, văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Luật này;

đ) Tổ chức đánh giá hiệu quả đối với văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo quy định tại Điều 7 của Luật này sau 01 năm thi hành; thực hiện sơ kết, tổng kết theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

e) Hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố, Chính phủ về việc thi hành Luật Phát triển đô thị.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của Thành phố và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội đối với việc thi hành Luật Phát triển đô thị.

5. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật này, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

b) Báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

c) Báo cáo các bộ, cơ quan ngang bộ những vấn đề thuộc thẩm quyền của các bộ, cơ quan ngang bộ.

6. Trách nhiệm giải trình của chính quyền Thành phố:

a) Thực hiện giải trình theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát sinh vấn đề lớn, có tác động lan tỏa hoặc ảnh hưởng đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Nội dung giải trình bao gồm mục tiêu, phạm vi tác động và đánh giá rủi ro, hệ quả kinh tế - xã hội của việc áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù; kết quả thực hiện, hiệu quả sử dụng nguồn lực, tác động đối với phát triển Thành phố và lợi ích chung của quốc gia; giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hạn chế, bất cập, sai sót phát sinh trong quá trình thực hiện các thẩm quyền, cơ chế, chính sách đặc thù;

b) Nội dung giải trình phải được công khai theo quy định của pháp luật, bảo đảm để Nhân dân Thành phố giám sát.

Mục 2

GIÁM SÁT, KIỂM TRA VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH ĐỐI VỚI KHU KINH TẾ ĐẶC BIỆT

Điều 63. Cơ chế giám sát, kiểm tra đối với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt

1. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan Trung ương, cấp tỉnh được giao chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát và được quy định cụ thể trong Hiến pháp, các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt và cơ quan hành chính nhà nước ở khu kinh tế đặc biệt chịu sự giám sát của Nhân dân thông qua hoạt động giám sát của Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 64. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Chính phủ tổ chức theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thi hành Luật này; bảo đảm việc phân quyền, phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt được thực hiện thống nhất, đúng pháp luật, hiệu quả; chỉ đạo theo dõi, đánh giá, kiểm soát rủi ro đối với các cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng tại khu kinh tế đặc biệt.

2. Chính phủ quyết định đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật hoặc những cơ chế chính sách gây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn địa phương thuộc thẩm quyền của

Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt.

3. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tài chính - ngân sách, đất đai, tài nguyên, môi trường, quy hoạch, đầu tư, thương mại, hải quan, xuất nhập cảnh và các vấn đề vượt thẩm quyền của địa phương trong quá trình thi hành Luật này.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt trong xây dựng, tổ chức thực hiện, đánh giá cơ chế, chính sách đặc thù.

Điều 65. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giám sát toàn diện việc thi hành Hiến pháp, pháp luật ở khu kinh tế đặc biệt; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền; giám sát việc tổ chức thực hiện Luật này và việc phân quyền, phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức và bảo đảm thi hành Luật này; ban hành văn bản hướng dẫn, phân quyền, phân cấp, ủy quyền; bảo đảm nguồn lực thực hiện; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng quỹ đất, tài sản công, đầu tư, thủ tục hành chính, thực hiện dự án và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 66. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt, cơ quan, tổ chức thuộc khu kinh tế đặc biệt

1. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân khu kinh tế đặc biệt có trách nhiệm tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách được giao; công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình; định kỳ đánh giá hiệu quả thi hành, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản để xử lý vướng mắc phát sinh; cập nhật đầy đủ dữ liệu dự án lên Hệ thống thông tin quốc gia về giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tại khu kinh tế đặc biệt giám sát, phản biện xã hội, vận động Nhân dân tham gia xây dựng, phát triển, bảo vệ khu kinh tế đặc biệt theo quy định của pháp luật.

Mục 3

XỬ LÝ VI PHẠM, LOẠI TRỪ, MIỄN TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

Điều 67. Xử lý vi phạm, loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý

1. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, trục lợi, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc trong quá trình triển khai thực hiện Luật này.
2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức, người tham gia khác trong xây dựng, ban hành Luật này và văn bản được ban hành theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật này được loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý trong trường hợp không vụ lợi, đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại.
3. Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc khác vì lợi ích chung trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, hoạt động công vụ do cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền giao mà gây ra thiệt hại nhưng được cơ quan có thẩm quyền kết luận không phải do vụ lợi và vì sự phát triển chung của Thành phố, thì được loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý tùy theo tính chất mức độ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 68. Hiệu lực thi hành và xử lý chuyển tiếp

1. Hiệu lực thi hành
 - a) Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày...tháng...năm..., trừ nội dung quy định tại điểm b khoản này.
 - b) Quy định tại khoản 4 Điều 7 và khoản 2 Điều này của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày Luật này được thông qua.

Kể từ ngày Luật này được thông qua, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc xây dựng, ban hành văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị theo quy định của Luật này.
2. Quy định chuyển tiếp liên quan đến cơ chế, chính sách đối với Thành phố Hồ Chí Minh
 - a) Các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế tài chính, cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đã được phê duyệt, đang triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quyết định đã ban hành; trường hợp phù hợp với quy định tại Luật này thì được chuyển sang thực hiện theo cơ chế, thẩm quyền quy định của Luật này mà không phải phê duyệt lại.
 - b) Các cơ chế thí điểm, thử nghiệm, thử nghiệm có kiểm soát, mô hình quản

trị mới đang được triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố được điều chỉnh nội dung, phạm vi, thời gian thí điểm, thử nghiệm, thử nghiệm có kiểm soát để phù hợp với quy định tại Luật này mà không phải thực hiện lại trình tự phê duyệt.

c) Đối với các nội dung về tổ chức chính quyền, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, vị trí việc làm đã được thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định mới theo thẩm quyền quy định tại Luật này.

d) Các nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thành phố được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được kế thừa toàn bộ và tiếp tục áp dụng khi Luật này có hiệu lực thi hành. Trường hợp có sự khác nhau giữa các Nghị quyết với Luật này thì Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc áp dụng.

đ) Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

e) Đối với dự án, gói thầu do cơ quan có thẩm quyền của thành phố quyết định hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà ở, đấu thầu chậm triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng theo các quy định pháp luật tại thời điểm phê duyệt. Trường hợp cần thiết áp dụng theo các quy định tại Luật này thì Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

g) Việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với các dự án đã được thực hiện hoặc đang triển khai theo quy định của các nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thành phố thì tiếp tục thực hiện theo các quy định, văn bản triển khai các Nghị quyết đó trừ trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố có quy định khác.

3. Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Luật này tiếp tục có hiệu lực cho đến khi Chính phủ ban hành Nghị định.

4. Quy định chuyên tiếp liên quan đến cơ chế, chính sách phát triển khu kinh tế đặc biệt

a) Các dự án đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại văn bản đã cấp; trường hợp ưu đãi quy định tại Luật này có lợi hơn thì được áp dụng ưu đãi

theo Luật này cho thời gian còn lại của dự án.

b) Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

c) Đối với các nội dung về tổ chức chính quyền, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, vị trí việc làm đã được thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện cho đến khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định mới theo thẩm quyền quy định tại Luật này và Luật khác có liên quan.

5. Các địa phương đã được Quốc hội cho phép áp dụng Nghị quyết thí điểm cơ chế chính sách đặc thù được áp dụng các chế độ, chính sách đối với khu phi thuế quan quy định tại khoản 5 Điều 19 và Điều 20 luật này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn